

CÔNG BỐ

Thông tin giá các loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu tháng 12 năm 2024

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 54/2022/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Ủy quyền công bố thông tin giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2024.

Trên cơ sở khảo sát vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu: Giá vật liệu xây dựng lưu thông trên địa bàn trung tâm thị trấn các huyện, thành phố do phòng Kinh tế & Hạ tầng các huyện, phòng QLĐT thành phố cung cấp; giá vật liệu xây dựng do các tổ chức, cá nhân sản xuất, cung ứng báo giá. Sở Xây dựng công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng tại nơi sản xuất, lưu thông trên địa bàn tỉnh Lai Châu tháng 12 năm 2024 như sau:

(Có biểu bảng giá chi tiết kèm theo)

Bảng thông tin giá các loại vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là các loại vật liệu phổ biến để chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng, tham

khảo trong quá trình xác định giá xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Một số lưu ý khi áp dụng thông tin giá các loại vật liệu xây dựng:

1. Chủ đầu tư, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan khi sử dụng các thông tin về giá các loại vật liệu xây dựng đã được công bố để xác định giá xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng cần căn cứ vào địa điểm cụ thể xây dựng công trình, địa điểm cung cấp vật tư vật liệu, cự ly vận chuyển, loại đường và phương tiện vận chuyển, khối lượng vật liệu sử dụng, tính chất công trình và các yêu cầu của thiết kế, quy định về quản lý chất lượng công trình để lựa chọn chủng loại vật tư, vật liệu cho phù hợp với yêu cầu của thiết kế, chất lượng vật liệu xây dựng đảm bảo theo quy định, đồng thời giá thành phải phù hợp, đáp ứng mục tiêu đầu tư, tránh thất thoát, lãng phí.

2. Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

3. Đối với các dự án, công trình xây dựng nằm trên địa bàn các thôn, bản, xã thuộc các huyện mà trong bảng công bố giá không có thông tin giá các loại vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình thì chủ đầu tư, tổ chức liên quan căn cứ vào tính chất công trình, mục tiêu đầu tư, yêu cầu kỹ thuật để xác định khối lượng, chủng loại vật liệu trên cơ sở giá vật liệu xây dựng do các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong và ngoài tỉnh cung cấp để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc quyết định áp dụng mức giá do các đơn vị cung cấp.

4. Trường hợp vị trí công trình có vận chuyển bộ thì chi phí này được xác định theo quy định hiện hành. Cự ly vận chuyển, loại vật liệu cần vận chuyển thủ công phải được phòng Kinh tế - Hạ tầng kỹ thuật các huyện, phòng Quản lý đô thị thành phố xác nhận: Yêu cầu thông tin phải rõ loại đường, độ dài, độ dốc cụ thể, phương tiện vận chuyển, nêu từng loại vật liệu phải vận chuyển, định mức áp dụng.

5. Thông tin giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình đã được công bố trong bảng giá vật liệu hàng tháng, nhưng được sản xuất và kinh doanh bởi các cơ sở mà không đủ điều kiện pháp lý về sản xuất, kinh doanh như giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép khai thác tài nguyên, công bố tiêu chuẩn cơ sở, công bố hợp quy, chứng nhận hợp quy hoặc thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy và các quy định khác có liên quan thì không có giá trị đưa vào thiết kế,

lập tổng mức đầu tư, lập dự toán, thi công và thanh quyết toán công trình. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng chịu trách nhiệm về chất lượng và giá của vật liệu gửi đăng công bố.

6. Đối với giá xăng, dầu các loại, thì chủ đầu tư căn cứ vào Quyết định điều chỉnh giá xăng, dầu của Công ty xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) để cập nhật điều chỉnh tại thời điểm lập, thẩm định và hoàn toàn chịu trách nhiệm về điều chỉnh giá theo quy định của pháp luật.

7. Chủ đầu tư, các tổ chức tư vấn và các đơn vị liên quan hoàn toàn chịu trách nhiệm trong việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Nghị định số 10/2021/NĐ - CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 11/2021/TT - BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT - BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT - BXD ngày 29/12/2023 và các quy định hiện hành của Pháp luật có liên quan, đảm bảo chính xác, hiệu quả, chống thất thoát trong đầu tư công.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc đề nghị các Ngành, Chủ đầu tư phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND các huyện, Thành phố;
- Trang thông tin Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, KT&VLXD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ký bởi: Sở Xây dựng
Cơ quan: Tỉnh Lai Châu
Thời gian ký: 31/12/2024 09:55:47



Nguyễn Thái Lực

CÔNG BỐ THÔNG TIN GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TẠI TRUNG TÂM CÁC HUYỆN, THANH PHỐ VÀ NƠI SẢN XUẤT, KINH DOANH THANG 12 NĂM 2024 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Văn bản công bố giá số: /CB-SXD ngày tháng năm 2024 của Sở Xây dựng về việc Công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu tháng 12 năm 2024)

Số: 2565/CB-SXD; 31/12/2024; 09:56:10; +07:00

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1	Thép xây dựng	Thép cuộn hoà phát D6-D8	đ/kg	TCVN 1651-1:2018	CB240-T	Tập đoàn Hoà Phát	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn các huyện, thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	14.171	14.136	14.171	14.069	14.348	14.357	14.246	14.213	
2	Thép xây dựng	Thép hoà phát D10	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB300-V	Tập đoàn Hoà Phát	Việt Nam	Nt (Nt)	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	14.421	14.386	14.421	14.319	14.598	14.607	14.496	14.463	
3	Thép xây dựng	Thép hoà phát D12	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB300-V	Tập đoàn Hoà Phát	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	14.271	14.236	14.271	14.169	14.448	14.457	14.346	14.313	
4	Thép xây dựng	Thép hoà phát D14-D28	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB300-V	Tập đoàn Hoà Phát	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	13.951	13.916	13.951	13.849	14.128	14.137	14.026	13.993	
5	Thép xây dựng	Thép cuộn Việt Đức D6-D8	đ/kg	TCVN 1651-1:2018	CB240-T	Công ty CP sản xuất thép Việt Đức	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	14.121	14.086	14.121	14.019	14.298	14.307	14.196	14.163	
6	Thép xây dựng	Thép Việt Đức D10	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB300-V	Công ty CP sản xuất thép Việt Đức	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	14.421	14.386	14.421	14.319	14.598	14.607	14.496	14.463	
7	Thép xây dựng	Thép Việt Đức D12	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB300-V	Công ty CP sản xuất thép Việt Đức	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	14.061	14.026	14.061	13.959	14.238	14.247	14.136	14.103	
8	Thép xây dựng	Thép Việt Đức D14-D28	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB300-V	Công ty CP sản xuất thép Việt Đức	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	14.011	13.976	14.011	13.909	14.188	14.197	14.086	14.053	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
9	Thép xây dựng	Thép Tisco D6-D8	đ/kg	TCVN 1651-1:2018	CB240-T	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	14.717	14.682	14.717	14.615	14.894	14.903	14.792	14.758	
10	Thép xây dựng	Thép Tisco D10	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB300-V	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	15.017	14.982	15.017	14.915	15.194	15.203	15.092	15.058	
11	Thép xây dựng	Thép Tisco D12	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB300-V	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	14.867	14.832	14.867	14.765	15.044	15.053	14.942	14.908	
12	Thép xây dựng	Thép Tisco D14- D40	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB300-V	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	14.817	14.782	14.817	14.715	14.994	15.003	14.892	14.858	
13	Thép xây dựng (thép cốt bê tông)	Thép cuộn VAS : D6-D8	đ/kg	TCVN 1651-1:2018	CB240-T	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Nt	Giá bán trên địa bàn thị trấn các huyện, thành phố	14.554	14.519	14.554	14.452	14.731	14.740	14.629	14.596	
14	Thép xây dựng (thép cốt bê tông)	Thép thanh VAS D10	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	Gr40, CB300-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	14.604	14.569	14.604	14.502	14.781	14.790	14.679	14.646	
15	Thép xây dựng (thép cốt bê tông)	Thép thanh VAS D12	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB300-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Nt	Nt	14.394	14.359	14.394	14.292	14.571	14.580	14.469	14.436	
16	Thép xây dựng (thép cốt bê tông)	Thép thanh VAS D14 - D20	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB300-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Nt	Nt	14.344	14.309	14.344	14.242	14.521	14.530	14.419	14.386	
17	Thép xây dựng (thép cốt bê tông)	Thép thanh VAS D10	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB400-V/CB500-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Nt	Nt	14.554	14.519	14.554	14.452	14.731	14.740	14.629	14.596	
18	Thép xây dựng (thép cốt bê tông)	Thép thanh VAS D12	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB400-V/CB500-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Nt	Nt	14.554	14.519	14.554	14.452	14.731	14.740	14.629	14.596	
19	Thép xây dựng (thép cốt bê tông)	Thép thanh VAS D14 - D32	đ/kg	TCVN 1651-2:2018	CB400-V/CB500-V	Tập đoàn VAS Nghi Sơn	Việt Nam	Nt	Nt	14.554	14.519	14.554	14.452	14.731	14.740	14.629	14.596	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
20	Thép hình các loại	Thép Hộp mạ kẽm	đ/kg	Không có thông tin			Việt Nam	Vận chuyển trong trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn các huyện, thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	18.040	17.995	18.040	17.600	18.295	18.305	18.150	18.095	
21	Thép hình các loại	Thép hình đen chữ U, V, L	đ/kg	Không có thông tin			Việt Nam	Vận chuyển trong trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn các huyện, thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	16.370	16.220	16.370	16.010	16.620	16.630	16.450	16.400	
22	Thép hình các loại	Thép góc L40 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Vận chuyển từ nhà máy sản xuất tại tỉnh Thái Nguyên về đến thành phố Lai Châu	Giá tại thành phố Lai Châu	16.117								
23	Thép hình các loại	Thép góc L50 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	15.917								
24	Thép hình các loại	Thép góc L60 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	15.917								
25	Thép hình các loại	Thép góc L63-L65 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	15.867								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
26	Thép hình các loại	Thép góc L70-L80 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	15.817								
27	Thép hình các loại	Thép góc L90 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	15.667								
28	Thép hình các loại	Thép góc L100 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	15.667								
29	Thép hình các loại	Thép góc L120-L130 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	17.117								
30	Thép hình các loại	Thép góc L150 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	17.467								
31	Thép hình các loại	Thép góc L100 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS540	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	17.517								
32	Thép hình các loại	Thép góc L120-L130 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS540	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	17.517								
33	Thép hình các loại	Thép góc L150 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS540	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	17.917								
34	Thép hình các loại	Thép C8 - C10 L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	15.817								
35	Thép hình các loại	Thép C12, L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	15.867								
36	Thép hình các loại	Thép C14, L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	16.567								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
37	Thép hình các loại	Thép C15, L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	16.567								
38	Thép hình các loại	Thép C16, L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	16.567								
39	Thép hình các loại	Thép I10, L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	16.367								
40	Thép hình các loại	Thép I12, L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	16.317								
41	Thép hình các loại	Thép I15, L=6m; 9m; 12m	đ/kg	Không có thông tin	SS400,CT38, CT42	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	16.567								
42	Thép hình các loại	Thép ngắn dài (L40-L75) các loại	đ/kg	Không có thông tin	Độ dài 9m<L<12m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	14.837								
43	Thép hình các loại	Thép ngắn dài (L40-L75) các loại	đ/kg	Không có thông tin	Độ dài 9m<L<9m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	14.527								
44	Thép hình các loại	Thép ngắn dài (L40-L75) các loại	đ/kg	Không có thông tin	Độ dài 4m≤L<6m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	14.217								
45	Thép hình các loại	Thép ngắn dài (L40-L75) các loại	đ/kg	Không có thông tin	Độ dài 2m≤L<4m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	13.897								
46	Thép hình các loại	Thép ngắn dài (L80-L150, C, I) các loại	đ/kg	Không có thông tin	Độ dài 9m<L<12m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	14.917								
47	Thép hình các loại	Thép ngắn dài (L80-L150, C, I) các loại	đ/kg	Không có thông tin	Độ dài 9m<L<9m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	14.597								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
48	Thép hình các loại	Thép ngắn dài (L80-L150, C, I) các loại	đ/kg	Không có thông tin	Độ dài 4m≤L<6m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	14.317								
49	Thép hình các loại	Thép ngắn dài (L80-L150, C, I) các loại	đ/kg	Không có thông tin	Độ dài 2m≤L<4m	Công ty CP gang thép Thái Nguyên	Việt Nam	Nt	Giá tại thành phố Lai Châu	14.037								
50	Xi măng	Xi măng Norcem PCB 30	đ/kg	TCVN 2682:2020	Không đóng bao	Công ty CP XM Norcem Yên Bình tại Lai Châu	Lai Châu	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất		1.122							
51	Xi măng	Xi măng Norcem PCB 40	đ/kg	TCVN 2682:2020	Không đóng bao	Công ty CP XM Norcem Yên Bình tại Lai Châu	Lai Châu	Không có thông tin	Nt		1.215							
52	Xi măng	Xi măng Norcem PCB 30 Đóng vỏ Jumbo	đ/kg	TCVN 2682:2020	Đóng vỏ Jumbo	Công ty CP XM Norcem Yên Bình tại Lai Châu	Lai Châu	Không có thông tin	Nt		1.215							
53	Xi măng	Xi măng Norcem PCB 40	đ/kg	TCVN 2682:2020	Đóng vỏ Jumbo	Công ty CP XM Norcem Yên Bình tại Lai Châu	Lai Châu	Không có thông tin	Nt		1.261							
54	Xi măng	Xi măng Chinfon Hải Phòng PCB30	đ/kg	TCVN 2682:2020	50kg/bao	Công ty xi măng Chinfon	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn các huyện, thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	1.730		1.700	1.630				1.700	
55	Xi măng	Xi măng Chinfon Hải Phòng PCB40	đ/kg	TCVN 2682:2020	50kg/bao	Công ty xi măng Chinfon	Việt Nam	Nt	Nt	1.780		1.720	1.700				1.760	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
58	Xi măng	Xi măng Bút Sơn PCB 30	đ/kg	TCVN 2682:2020	50kg/bao	Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn	Việt Nam	Nt	Nt	1.620	1.600					1.660		
59	Xi măng	Xi măng bút sơn PCB 40	đ/kg	TCVN 2682:2020	50kg/bao	Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn	Việt Nam	Nt	Nt	1.700						1.770		
60	Xi măng	Xi măng Vicem Hải Phòng PCB30	đ/kg	TCVN 2682:2020	50kg/bao	Công ty xi măng Vicem Hải Phòng	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Nt		1.620		1.546					
61	Xi măng	Xi măng Vicem Hải Phòng PCB40	đ/kg	TCVN 2682:2020	50kg/bao	Công ty xi măng Vicem Hải Phòng	Việt Nam	Nt	Nt		1.700							
62	Xi măng	Xi măng Norcem Yên Bình PCB 30	đ/kg	TCVN 2682:2020	Đóng bao	Công ty CP XM Norcem Yên Bình tại Lai Châu	Lai Châu	Nt	Nt			1.300	1.220	1.460	1.500	1.363	1.320	
63	Xi măng	Xi măng Norcem Yên Bình PCB 40	đ/kg	TCVN 2682:2020	đóng bao	Công ty CP XM Norcem Yên Bình tại Lai Châu	Lai Châu	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn các huyện, thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	1.350		1.400	1.320	1.560	1.600	1.460	1.420	
64	Xi măng	Xi măng Điện Biên PCB 30	đ/kg	TCVN 2682:2020	Đóng bao	Công ty CP XM Điện Biên	Việt Nam	Vận chuyển trong địa giới hành chính thị trấn huyện						1.540	1.730			
65	Xi măng	Xi măng Điện Biên PCB 40	đ/kg	TCVN 2682:2020	Đóng bao	Công ty CP XM Điện Biên	Việt Nam	Nt						1.636	1.800			

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
66	Gạch xây dựng các loại	Gạch tuynel 2 lỗ thông tâm	đ/viên	TCVN 1450:2009	rỗng		Việt Nam	Vận chuyển trong trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn các huyện, thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	1.300	1.270	1.300		1.490	1.510	1.370	1.200	
67	Gạch xây dựng các loại	Gạch tuynel đặc	đ/viên	TCVN 1451:1998	đặc		Việt Nam	Nt	Nt	1.380	1.320	1.400		1.560	1.580	1.440	1.300	
68	Gạch xây dựng các loại	Gạch bê tông xi măng không nung đặc	đ/viên	TCVN 6477:2016	đặc		Việt Nam	Nt	Nt	1.350	1.300	1.350	1.100				1.400	
69	Gạch xây dựng các loại	Gạch bê tông xi măng không nung rỗng	đ/viên	TCVN 6477:2016	rỗng 2 lỗ		Việt Nam	Nt	Nt	1.250	1.250	1.250	1.050				1.200	
70	Gạch ốp lát các loại	Gạch 80 x 80 cm	m²	TCVN 6415:2016	KT80x80cm	Prime	Việt Nam	Vận chuyển trong trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn các huyện, thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	205.000	200.000	205.000	170.000	220.000	225.000	215.000	205.000	
71	Gạch ốp lát các loại	Gạch 60 x 60 cm	m²	TCVN 6415:2016	KT60x60cm	Prime	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	136.000	130.000	136.000	135.000	150.000	155.000	145.000	135.000	
72	Gạch ốp lát các loại	Gạch 30 x 30 cm (chống trơn)	m²	TCVN 6415:2016	KT30x30cm	Prime	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	100.000	95.000	100.000	85.000	115.000	120.000	110.000	105.000	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
73	Gạch ốp lát các loại	Gạch 40 x 40 cm	m²	TCVN 6415:2016	KT40x40cm	Prime	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	72.000	68.000	72.000	80.000	90.000	95.000	80.000	75.000	
74	Gạch ốp lát các loại	Gạch 50 x 50 cm	m²	TCVN 6415:2016	KT50x50cm	Prime	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	92.000	88.000	92.000	87.500	105.000	112.000	100.000	95.000	
75	Gạch ốp lát các loại	Gạch ốp tường 30x45 cm	m²	TCVN 6415:2016	KT30x45cm	Prime	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	90.000	88.000	90.000	85.000	104.000	110.000	100.000	95.000	
76	Gạch ốp lát các loại	Gạch ốp tường 30x60 cm	m²	TCVN 6415:2016	KT30x60cm	Prime	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	100.000	95.000	100.000	90.000	120.000	125.000	110.000	115.000	
77	Gạch ốp lát các loại	Gạch ốp tường 25x40 cm	m²	TCVN 6415:2016	KT25x40cm	Prime	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	92.000	87.000	90.000	84.000	110.000	115.000	100.000	95.000	
78	Gạch ốp lát các loại	Gạch ốp tường 25x25 cm	m²	TCVN 6415:2016	KT25x25cm	Prime	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	80.000	76.000	80.000	73.000	100.000	105.000	90.000	85.000	
79	Gạch lát vệ hè, sân vườn	gạch terrazzo lát sân vườn, vỉa hè kích thước 30x30x3cm	m²	TCVN 7744:2013	KT30x30x3cm		Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	100.000	90.000	100.000	100.000	110.000	112.000	105.000	100.000	
80	Gạch lát vệ hè, sân vườn	gạch terrazzo lát sân vườn, vỉa hè kích thước 40x40x3cm	m²	TCVN 7744:2013	KT40x40x3cm		Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	112.000	105.000	112.000	110.000	120.000	122.000	115.000	110.000	
81	Gạch lát vệ hè, sân vườn	gạch terrazzo lát vỉa hè, sân vườn kích thước 30x30x3cm	đ/viên	TCVN 7744:2013	KT30x30x3cm	Công ty TNHH MTV Xuân Học	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	9.945								
82	Gạch lát vệ hè, sân vườn	gạch terrazzo lát vỉa hè, sân vườn kích thước 40x40x3cm	đ/viên	TCVN 7744:2013	KT40x40x3cm	Công ty TNHH MTV Xuân Học	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	17.557								
83	Gạch lát vệ hè, sân vườn	gạch terrazzo lát kích thước 40x40x3cm	đ/viên	TCVN 7744:2013	KT40x40x3cm	Công ty TNHH Quỳnh Trang	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			17.500						

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
84	Gỗ xây dựng	Gỗ cốp pha	m³	không có thông tin			Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn các huyện, thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	3.200.000	3.000.000	2.900.000	3.100.000	3.300.000	3.350.000	3.250.000	3.200.000	
85	Gỗ xây dựng	Cây gỗ chống	d/cây	không có thông tin			Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	40.000	40.000	40.000	33.500	40.000	40.000	40.000	40.000	
86	Gỗ xây dựng	Gỗ dầm nẹp 8x8	m³	không có thông tin			Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố	3.600.000	3.500.000	3.200.000	3.100.000	3.800.000	3.900.000	3.750.000	3.950.000	
87	Gỗ xây dựng	Tre ĐK 6 - 10cm, L=6m	d/cây	không có thông tin	6m		Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại thị trấn các huyện, thành phố		36.364	30.000	35.000			60.000		
88	Gỗ xây dựng	Tre ĐK 10 - 15cm, L=6m	d/cây	không có thông tin	6m		Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố		63.636	45.000				80.000		
89	Đá xây dựng	Đá 0,5 x 1	m³	TCVN 7570:2006	0,5x1cm	Công ty TNHH số 10 - Lai Châu	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất	245.000								
90	Đá xây dựng	Đá dăm 1 x 2	m³	TCVN 7570:2006	1x2cm	Công ty TNHH số 10 - Lai Châu	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất	240.000								
91	Đá xây dựng	Đá dăm 2 x 4	m³	TCVN 7570:2006	2x4cm	Công ty TNHH số 10 - Lai Châu	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	230.000								
92	Đá xây dựng	Đá dăm 4x 6	m³	TCVN 7570:2006	4x6cm	Công ty TNHH số 10 - Lai Châu	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	227.000								
93	Đá xây dựng	Đá hộc	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH số 10 - Lai Châu	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	155.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
94	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm tiêu chuẩn loại 1	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH số 10 - Lai Châu	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	235.000								
95	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm tiêu chuẩn loại 2	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH số 10 - Lai Châu	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	210.000								
96	Đá xây dựng	Đá 0,5 x 1	m³	TCVN 7570:2006	0,5x1cm	Công ty TNHH Lương Việt	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	250.000								
97	Đá xây dựng	Đá dăm 1 x 2	m³	TCVN 7570:2006	1x2cm	Công ty TNHH Lương Việt	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	250.000								
98	Đá xây dựng	Đá dăm 2 x 4	m³	TCVN 7570:2006	2x4cm	Công ty TNHH Lương Việt	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	230.000								
99	Đá xây dựng	Đá dăm 4x 6	m³	TCVN 7570:2006	4x6cm	Công ty TNHH Lương Việt	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	210.000								
100	Đá xây dựng	Đá hộc	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Lương Việt	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	180.000								
101	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm tiêu chuẩn loại 1	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Lương Việt	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	230.000								
102	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm tiêu chuẩn loại 2	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Lương Việt	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	220.000								
103	Đá xây dựng	Đá 1 x 2	m³	TCVN 7570:2006	1x2cm	Công ty TNHH Quỳnh Trang	Việt Nam	Không có thông tin	Nt			260.000						
104	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m³	TCVN 7570:2006	2x4cm	Công ty TNHH Quỳnh Trang	Việt Nam	Không có thông tin	Nt			250.000						
105	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m³	TCVN 7570:2006	4x6cm	Công ty TNHH Quỳnh Trang	Việt Nam	Không có thông tin	Nt			235.000						
106	Đá xây dựng	Đá hộc	m³	TCVN 7570:2006	10-30cm	Công ty TNHH Quỳnh Trang	Việt Nam	Không có thông tin	Nt			170.000						
107	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m³	TCVN 7570:2006	0,5x1cm	Công ty TNHH Quỳnh Trang	Việt Nam	Không có thông tin	Nt			260.000						

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
108	Đá xây dựng	Đá Base 1	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Quỳnh Trang	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất			235.000						
109	Đá xây dựng	Đá Base 2	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Quỳnh Trang	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất			210.000						
110	Cát xây dựng	Cát nghiền bê tông công nghiệp	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Quỳnh Trang	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất			310.000						
111	Cát xây dựng	Cát nghiền xây trát	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Quỳnh Trang	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất			300.000						
112	Đá xây dựng	Đá dăm 0,5 x 1	m³	TCVN 7570:2006	0,5x1cm	Hợp tác xã dịch vụ cơ khí Mường Lự	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		255.000							
113	Đá xây dựng	Đá dăm 1 x 2	m³	TCVN 7570:2006	1x2cm	Hợp tác xã dịch vụ cơ khí Mường Lự	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		255.000							
114	Đá xây dựng	Đá dăm 2 x 4	m³	TCVN 7570:2006	2x4cm	Hợp tác xã dịch vụ cơ khí Mường Lự	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		250.000							
115	Đá xây dựng	Đá dăm 4 x 6	m³	TCVN 7570:2006	4x6cm	Hợp tác xã dịch vụ cơ khí Mường Lự	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		220.000							
116	Đá xây dựng	Đá hộc	m³	TCVN 7570:2006		Hợp tác xã dịch vụ cơ khí Mường Lự	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		170.000							
117	Đá xây dựng	Base loại 1	m³	TCVN 7570:2006		Hợp tác xã dịch vụ cơ khí Mường Lự	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		225.000							
118	Đá xây dựng	Base loại 2	m³	TCVN 7570:2006		Hợp tác xã dịch vụ cơ khí Mường Lự	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		205.000							
119	Cát xây dựng	Cát nghiền công nghiệp cho bê tông và vữa	m³	TCVN 9205:2012		Hợp tác xã dịch vụ cơ khí Mường Lự	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		310.000							

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
120	Đá xây dựng	Đá 0,5x1	m³	TCVN 7570:2006	0,5x1cm	Công ty TNHH MTV Tân Sinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		260.000							
121	Đá xây dựng	Đá 1 x 2	m³	TCVN 7570:2006	1x2cm	Công ty TNHH MTV Tân Sinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		255.000							
122	Đá xây dựng	Đá 2 x 4	m³	TCVN 7570:2006	2x4cm	Công ty TNHH MTV Tân Sinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		245.000							
123	Đá xây dựng	Đá 4 x 6	m³	TCVN 7570:2006	4x6cm	Công ty TNHH MTV Tân Sinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		210.000							
124	Đá xây dựng	Đá hộc	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Tân Sinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		177.000							
125	Đá xây dựng	Đá base A	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Tân Sinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		205.000							
126	Đá xây dựng	Đá base B	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Tân Sinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		185.000							
127	Đá xây dựng	Đá mặt	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH MTV Tân Sinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất		160.000							
128	Cát xây dựng	Cát bê tông	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Bảo Sơn	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất			300.000						
129	Cát xây dựng	Cát xây, trát	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Bảo Sơn	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất			263.636						
130	Cát xây dựng	Cát nghiền cho bê tông	m³	TCVN 7570:2006		Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Bảo Sơn	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất			300.000						
131	Đá xây dựng	Đá nghiền từ sỏi	m³	TCVN 7570:2006	1x2cm	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Bảo Sơn	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất			150.000						

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
132	Đá xây dựng	Đá nghiền từ sỏi	m³	TCVN 7570:2006	2x4cm	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Bảo Sơn	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất			145.000						
133	Cát xây dựng	Cát xây, trát, cát bê tông	m³	TCVN 7570:2006			huyện Văn Bàn, Lào Cai	Không có thông tin	Giá bán tại bãi tập kết trên địa bàn huyện do Hợp tác xã Phương Nhung cung cấp				390.000					
134	Đá xây dựng	Đá dăm 0,5 x 1	m³	TCVN 7570:2006	0,5x1cm	Công ty Cổ phần Tân Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất						300.000			
135	Đá xây dựng	Đá dăm 1 x 2	m³	TCVN 7570:2006	1x2cm	Công ty Cổ phần Tân Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất						300.000			
136	Đá xây dựng	Đá dăm 2 x 4	m³	TCVN 7570:2006	2x4cm	Công ty Cổ phần Tân Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất						290.000			
137	Đá xây dựng	Đá dăm 4x 6	m³	TCVN 7570:2006	4x6cm	Công ty Cổ phần Tân Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất						280.000			
138	Đá xây dựng	Đá hộc	m³	TCVN 7570:2006		Công ty Cổ phần Tân Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất						200.000			
139	Đá xây dựng	Mặt	m³	TCVN 7570:2006		Công ty Cổ phần Tân Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất						136.364			
140	Đá xây dựng	Đá dăm 0,5 x 1	m³	TCVN 7570:2006	0,5x1cm	Công ty TNHH Thanh Bình Điện Biên	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất					290.000				
141	Đá xây dựng	Đá dăm 1 x 2	m³	TCVN 7570:2006	1x2cm	Công ty TNHH Thanh Bình Điện Biên	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất					290.000				
142	Đá xây dựng	Đá dăm 2 x 4	m³	TCVN 7570:2006	2x4cm	Công ty TNHH Thanh Bình Điện Biên	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nơi sản xuất					280.000				

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
205	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Nan cửa cuốn chống bão G91	m²	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	- Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm, Bân nan 90mm, - Day hộp U100 - Trục phi 141mm dây 3,96 mm + puli nhựa.	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Không có thông tin	Mức giá bán trên địa bàn tỉnh Lai Châu (Công ty TNHH MTV thương mại và đầu tư Sứ Hào									2.970.000
206	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Nam cửa cuốn SE03	m²	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	- Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm, bân nan 50mm, 4chân, 2 vít, - Day hộp U76 - Trục phi 113,5mm dây 1,8 mm + puli nhựa.	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Không có thông tin	Mức giá bán trên địa bàn tỉnh Lai Châu (Công ty TNHH MTV thương mại và đầu tư Sứ Hào									2.480.000
207	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Nam cửa cuốn G88	m²	Quy chuẩn QCVN 16:2019/BXD TCVN197-1:2014 TCVN12513-7:2018	- Thân cửa sản xuất từ hợp kim nhôm, bân nan 88mm, - Day hộp U76 - Trục phi 113,5mm dây 1,8 mm + puli nhựa.	Công ty CP tập đoàn Singhal	Việt Nam	Không có thông tin	Mức giá bán trên địa bàn tỉnh Lai Châu (Công ty TNHH MTV thương mại và đầu tư Sứ Hào									2.450.000
208	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn dày 0.35mm	m²	TCVN 8053:2009	dây 0.35mm	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam	Vận chuyển trong địa giới hành chính của thị trấn	Giá bán trên địa bàn thị trấn					95.455	100.000			
209	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn dày 0.40mm	m²	TCVN 8053:2009	dây 0.40mm	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam	Vận chuyển trong địa giới hành chính của thị trấn	Giá bán trên địa bàn thị trấn					104.545	110.000			
210	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm III	m²	không có thông tin	Cửa đi	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bảo Dương	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện				2.500.000					
211	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm III	m²	không có thông tin	Cửa sổ	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bảo Dương	Việt Nam	Nt	Nt				2.500.000					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
212	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm III	d/md	không có thông tin	Khuôn cửa kép	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bảo Dương	Việt Nam	Nt	Nt				900.000					
213	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm III	d/md	không có thông tin	Khuôn cửa đơn	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bảo Dương	Việt Nam	Nt	Nt				700.000					
214	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm IV	m²	không có thông tin	Cửa đi	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bảo Dương	Việt Nam	Nt	Nt				2.200.000					
215	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm IV	m²	không có thông tin	Cửa sổ	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bảo Dương	Việt Nam	Nt	Nt				2.200.000					
216	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm IV	d/md	không có thông tin	Khuôn cửa kép	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bảo Dương	Việt Nam	Nt	Nt				700.000					
217	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm IV	d/md	không có thông tin	Khuôn cửa đơn	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bảo Dương	Việt Nam	Nt	Nt				500.000					
218	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa sắt huỳnh tôn, kính trắng 5ly	m²	không có thông tin			Việt Nam	Nt	Nt		863.636							
219	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm IV	d/md	TCVN 9366:2012	Khuôn cửa kép 250cm dày 8cm		Việt Nam	Nt	Nt		727.273							
220	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm IV	d/md	TCVN 9366:2012	Khuôn cửa đơn 130cm dày 8cm		Việt Nam	Nt	Nt		454.545							
221	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm IV	m²	TCVN 9366:2012	Cửa đi pa nô kính (kính 5ly), dày 4cm		Việt Nam	Nt	Nt		1.545.455							
222	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm IV	m²	TCVN 9366:2012	Cửa sổ Pa nô đặc dày 4cm		Việt Nam	Nt	Nt		1.318.182							
223	Cửa khung nhựa/nhôm, gỗ	Cửa gỗ nhóm IV	m²	TCVN 9366:2012	Cửa sổ Pa nô kính (kính 5ly), dày 4cm		Việt Nam	Nt	Nt		1.318.182							

[illegible]

[illegible]

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
246	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Hoa Sen lạnh màu thường AZ050, 17/05	m²	TCVN 8053:2009	dày 0.40mm	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	
247	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Hoa Sen lạnh màu thường AZ050, 17/05	m²	TCVN 8053:2009	dày 0.45mm	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	109.000	109.000	109.000	109.000	109.000	109.000	109.000	109.000	
248	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Hoa Sen lạnh màu thường AZ050, 17/05	m²	TCVN 8053:2009	dày 0.50mm	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	
249	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Hoa Sen lạnh màu đặc biệt AZ050, 17/05	m²	TCVN 8053:2009	dày 0.30mm	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	
250	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Hoa Sen lạnh màu đặc biệt AZ050, 17/05	m²	TCVN 8053:2009	dày 0.35mm	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	
251	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Hoa Sen lạnh màu đặc biệt AZ050, 17/05	m²	TCVN 8053:2009	dày 0.40mm	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	
252	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Hoa Sen lạnh màu đặc biệt AZ050, 17/05	m²	TCVN 8053:2009	dày 0.45mm	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	
253	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn Hoa Sen lạnh màu đặc biệt AZ050, 17/05	m²	TCVN 8053:2009	dày 0.50mm	Công ty CP tập đoàn Hoa Sen	Việt Nam	Không có thông tin	Nt	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	
254	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tấm lợp prôxi măng Đông Anh	đ/tấm	TCVN 8053:2009	Dài 1,5m, rộng 0,9m		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện		55.000	57.000	53.750			43.636		
255	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tấm úp nóc prôxi măng Đông Anh	đ/tấm	TCVN 8053:2009			Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện		20.000	22.000	20.000			22.727		
256	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tấm lợp prôxi măng Thái Nguyên	đ/tấm	TCVN 8053:2009	Dài 1,4m, rộng 0,9m		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện		42.000	45.000	45.000			43.636	40.000	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
257	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tấm úp nóc prôxi măng Thái Nguyên	đ/tấm	TCVN 8053:2009			Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện		17.000	18.000	15.000			22.727	17.000	
258	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mát 3 lớp PU.TNam - Tôn Liên Doanh	m ²	Không có thông tin	Tôn + PU cứng + giấy bạc; dày 0,35mm	Không có thông tin	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thành phố	118.182								
259	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mát 3 lớp PU.TNam - Tôn Liên Doanh	m ²	Không có thông tin	Tôn + PU cứng + giấy bạc; dày 0.4mm	Không có thông tin	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thành phố	127.273								
260	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mát 3 lớp PU.TNam - Tôn Liên Doanh	m ²	Không có thông tin	Tôn + PU cứng + giấy bạc; dày 0.45mm	Không có thông tin	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán tại trung tâm thành phố	140.909								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
261	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ màu sóng thường - Tôn Liên Doanh	m ²	Không có thông tin	Tôn kẽm mạ màu; dày 0.3mm	Không có thông tin	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán tại trung tâm thành phố	56.364								
262	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ màu sóng thường - Tôn Liên Doanh	m ²	Không có thông tin	Tôn kẽm mạ màu; dày 0.32mm	Không có thông tin	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện, thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố	63.636								
263	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ màu sóng thường - Tôn Liên Doanh	m ²	Không có thông tin	Tôn kẽm mạ màu; dày 0.35mm	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố	68.182								
264	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ màu sóng thường - Tôn Liên Doanh	m ²	Không có thông tin	Tôn kẽm mạ màu; dày 0.4mm	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố	77.273								
265	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ màu sóng thường - Tôn Liên Doanh	m ²	Không có thông tin	Tôn kẽm mạ màu; dày 0.45mm	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố	90.909								
266	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn trần xốp 1 mặt tôn	m ²	Không có thông tin	Mét dài	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố	31.818								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
267	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn trần xốp 2 mặt tôn	m²	Không có thông tin	Mét dài	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố	59.091								
268	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vách ngăn trắng sứ 0.25	m²	Không có thông tin	M2 khổ 1.17	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố	122.727								
269	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vách ngăn trắng sứ 0.30	m²	Không có thông tin	M2 khổ 1.17	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố	140.909								
270	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vách ngăn trắng sứ 0.35	m²	Không có thông tin	M2 khổ 1.17	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thành phố	159.091								
271	Vật liệu tấm lợp, bao che	Vách ngăn vân gỗ	m²	Không có thông tin	M2 khổ 1.17	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thành phố	122.727								
272	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn trần vân gỗ	m²	Không có thông tin		Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thành phố	54.545								
273	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK tôn 300	md	Không có thông tin	dây 0,35mm	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thành phố	27.273								
274	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK tôn 300	md	Không có thông tin	dây 0,4mm	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thành phố	31.818								
275	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK tôn 300	md	Không có thông tin	dây 0,45mm	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố	36.364								
276	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mát 3 lớp PU.TNam - Tôn Việt ý	m²	TCVN 8053:2009	Tôn + PU cứng + giấy bạc dày 0,35mm		Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố								178.000	
277	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mát 3 lớp PU.TNam - Tôn Việt Ý	m²	Không có thông tin	Tôn + PU cứng + Giấy bạc dày 0,4mm	Không có thông tin	Việt Nam	Nt	Là mức giá bán tại trung tâm thị trấn huyện, thành phố	170.909							188.000	

[illegible]

[illegible]

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
302	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn hoa Sen	m²	TCVN 8053:2009	dây 0,32mm, 11 sóng		Việt Nam	Vận chuyển trong địa giới hành chính thị trấn	Giá bán tại thị trấn							72.727		
303	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn hoa Sen	m²	TCVN 8053:2009	dây 0,35mm, 11 sóng		Việt Nam	Vận chuyển trong địa giới hành chính thị trấn	Giá bán tại thị trấn							77.273		
304	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn hoa Sen	m²	TCVN 8053:2009	dây 0,37mm, 11 sóng		Việt Nam	Vận chuyển trong địa giới hành chính thị trấn	Giá bán tại thị trấn							81.818		
305	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn hoa Sen	m²	TCVN 8053:2009	dây 0,40mm, 11 sóng		Việt Nam	Vận chuyển trong địa giới hành chính thị trấn	Giá bán tại thị trấn							86.364		
306	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn hoa Sen	m²	TCVN 8053:2009	dây 0,45mm, 11 sóng		Việt Nam	Vận chuyển trong địa giới hành chính thị trấn	Giá bán tại thị trấn							92.727		
307	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn trắng	md	TCVN 8053:2009			Việt Nam	Vận chuyển trong địa giới hành chính thị trấn	Giá bán tại thị trấn							36.364		
308	Vật liệu tấm lợp, bao che	PK tôn 300	md	Không có thông tin	dây 0,45mm	Không có thông tin	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Là mức giá bán tại trung tâm thành phố	42.727								
309	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp ALEX	d/18Lit	TCVN 8652:2020	Lau chùi			Không có thông tin	Đại lý phân phối: Cửa hàng sơn Hiệp Thành	2.128.182								
310	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Lau chùi			Không có thông tin	Đại lý phân phối: Cửa hàng sơn Hiệp Thành	340.909								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
311	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp ALEX	d/18L	TCVN 8652:2020	Sơn bóng			Không có thông tin	Đại lý phân phối: Cửa hàng sơn Hiệp Thành	4.470.909								
312	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Sơn bóng			Không có thông tin	Đại lý phân phối: Cửa hàng sơn Hiệp Thành	1.337.273								
313	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp ALEX	d/1L	TCVN 8652:2020	Sơn bóng			Không có thông tin	Đại lý phân phối: Cửa hàng sơn Hiệp Thành	282.727								
314	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Sơn phủ nội thất siêu bóng			Không có thông tin	Đại lý phân phối: Cửa hàng sơn Hiệp Thành	5.628.182								
315	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp ALEX	d/1L	TCVN 8652:2020	Sơn phủ nội thất siêu bóng			Không có thông tin	Đại lý phân phối: Cửa hàng sơn Hiệp Thành	1.740.909								
316	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp ALEX	d/15Lit	TCVN 8652:2020	Sơn bóng chống nóng hiệu quả			Nt	Nt	4.745.455								
317	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Sơn bóng chống nóng hiệu quả			Nt	Nt	1.756.364								
318	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp ALEX	d/1L	TCVN 8652:2020	Sơn bóng chống nóng hiệu quả			Nt	Nt	389.091								
319	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Sơn phủ ngoại thất siêu bóng			Nt	Nt	2.153.636								
320	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp ALEX	d/1L	TCVN 8652:2020	Sơn phủ ngoại thất siêu bóng			Nt	Nt	466.364								
321	Sơn	Sơn lót chuyên dụng ALEX	d/18L	TCVN 8652:2020	Sơn siêu trắng nội thất			Nt	Nt	1.787.273								
322	Sơn	Sơn lót chuyên dụng ALEX	d/5Lit	TCVN 8652:2020	Sơn siêu trắng nội thất			Nt	Nt	572.727								
323	Sơn	Sơn lót chuyên dụng ALEX	d/18L	TCVN 8652:2020	Sơn siêu trắng bóng nội thất NANO			Nt	Nt	4.380.000								
324	Sơn	Sơn lót chuyên dụng ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Sơn siêu trắng bóng nội thất NANO			Nt	Nt	1.337.273								
325	Sơn	Sơn lót chuyên dụng ALEX	d/18L	TCVN 8652:2020	Sơn chống kiềm nội thất			Nt	Nt	2.590.909								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
326	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Son chống kiềm nội thất			Nt	Nt	761.818								
327	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/18L	TCVN 8652:2020	Son lót chống kiềm nội thất NANO			Nt	Nt	3.020.000								
328	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Son lót chống kiềm nội thất NANO			Nt	Nt	888.182								
329	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/18L	TCVN 8652:2020	Son lót cao cấp chống kiềm & chống thấm, chống tia cực tím ngoại thất			Nt	Nt	3.613.636								
330	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Son lót cao cấp chống kiềm & chống thấm, chống tia cực tím ngoại thất			Nt	Nt	1.015.455								
331	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/18L	TCVN 8652:2020	Son lót chống kiềm ngoại thất NANO			Nt	Nt	4.158.182								
332	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Son lót chống kiềm ngoại thất NANO			Nt	Nt	1.205.455								
333	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/16L	TCVN 8652:2020	Son chống thấm đa năng trộn xi măng			Nt	Nt	3.463.636								
334	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Son chống thấm đa năng trộn xi măng			Nt	Nt	1.085.455								
335	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/5L	TCVN 8652:2020	Son nhũ vàng			Nt	Nt	476.364								
336	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/40 kg	TCVN 7239:2003	Bột bả ngoại thất cao cấp			Nt	Nt	502.727								
337	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/20 kg	TCVN 7239:2003	Bột bả ngoại thất cao cấp			Nt	Nt	274.545								
338	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/40 kg	TCVN 7239:2003	Bột bả nội &ngoại thất			Nt	Nt	415.455								
339	Son	Son lót chuyên dụng ALEX	d/18L	TCVN 8652:2020	Son phủ nội thất			Nt	Nt	963.636								

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
418	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng - Water Proofing (B14)	Lon	TCVN 8652:2020	1 lít/lon	Công ty Cổ phần Kacolor Việt Nam	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán trên địa bàn tỉnh Lai Châu									202.000
419	Sơn	Sơn chống thấm màu cao cấp - Water Proof Color (B15)	Thùng	TCVN 8652:2020	18 lít/thùng	Công ty Cổ phần Kacolor Việt Nam	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán trên địa bàn tỉnh Lai Châu									4.032.000
420	Sơn	Sơn chống thấm màu cao cấp - Water Proof Color (B15)	Lon	TCVN 8652:2020	5 lít/lon	Công ty Cổ phần Kacolor Việt Nam	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán trên địa bàn tỉnh Lai Châu									1.155.000
421	Sơn	Sơn chống thấm màu cao cấp - Water Proof Color (B15)	Lon	TCVN 8652:2020	1 lít/lon	Công ty Cổ phần Kacolor Việt Nam	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán trên địa bàn tỉnh Lai Châu									246.000
422	Sơn	Sơn lót kiểm nội thất	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Đại lý phân phối: Công ty TNHH MTV Nguyễn Quý Phú	1.989.000								
423	Sơn	Sơn lót kiểm nội thất	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	568.000								
424	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	2.668.000								
425	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	839.000								
426	Sơn	Sơn lót kiểm ngoại thất	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	2.679.000								
427	Sơn	Sơn lót kiểm ngoại thất	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	989.000								
428	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	3.879.000								
429	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	1.150.000								
430	Sơn	Sơn lót kháng kiềm kháng muối	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	4.266.000								
431	Sơn	Sơn lót kháng kiềm kháng muối	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	1.288.000								
432	Sơn	Sơn mịn nội	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	839.000								
433	Sơn	Sơn bóng mờ nội thất cao cấp	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	3.850.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
434	Sơn	Sơn bóng mờ nội thất cao cấp	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	1.180.000								
435	Sơn	Sơn bóng nội thất Semi	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	4.339.000								
436	Sơn	Sơn bóng nội thất Semi	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	1.379.000								
437	Sơn	Sơn bóng nội thất Semi	d/lon	TCVN 8652:2020	1L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	299.000								
438	Sơn	Sơn siêu trắng trần	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	1.922.000								
439	Sơn	Sơn siêu trắng trần	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	610.000								
440	Sơn	Sơn bóng ngoại Ruby	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	4.668.000								
441	Sơn	Sơn bóng ngoại Ruby	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	1.522.000								
442	Sơn	Sơn bóng ngoại Ruby	d/lon	TCVN 8652:2020	1L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	339.000								
443	Sơn	Sơn siêu bóng ngoại Semi Gold	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	5.680.000								
444	Sơn	Sơn siêu bóng ngoại Semi Gold	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	1.879.000								
445	Sơn	Sơn siêu bóng ngoại Semi Gold	d/lon	TCVN 8652:2020	1L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	429.000								
446	Sơn	Sơn mịn ngoại thất	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	2.136.000								
447	Sơn	Sơn chống thấm đa năng pha xi măng	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	3.290.000								
448	Sơn	Sơn chống thấm đa năng pha xi măng	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	999.000								
449	Sơn	Sơn chống thấm pha màu đặc biệt	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	3.668.000								
450	Sơn	Sơn chống thấm pha màu đặc biệt	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	1.200.000								
451	Sơn	Sơn chống thấm ngược	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	1.325.000								
452	Sơn	Sơn chống thấm ngược	d/lon	TCVN 8652:2020	1L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	295.000								
453	Sơn	Bột bả nội thất	d/bao	TCVN 7239:2003	40kg/bao	FORDEN		Không có thông tin	Nt	398.000								
454	Sơn	Bột bả ngoại thất	d/bao	TCVN 7239:2003	40kg/bao	FORDEN		Không có thông tin	Nt	520.000								
455	Sơn	Sơn siêu bóng nội thất đặc biệt saphira	d/thùng	TCVN 8652:2020	18L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	4.998.000								
456	Sơn	Sơn siêu bóng nội thất đặc biệt saphira	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	1.439.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
457	Sơn	Sơn siêu bóng nội thất đặc biệt saphira	d/lon	TCVN 8652:2020	1L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	330.000								
458	Sơn	Sơn men sứ Saphira Gold	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	2.066.000								
459	Sơn	Sơn men sứ Saphira Gold	d/lon	TCVN 8652:2020	1L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	555.000								
460	Sơn	Sơn phủ Clean	d/thùng	TCVN 8652:2020	5L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	1.360.000								
461	Sơn	Sơn phủ Clean	d/lon	TCVN 8652:2020	1L	FORDEN		Không có thông tin	Nt	305.000								
462	Sơn	Sơn phủ ngoại thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Jotashield Bền Màu Toàn Diện	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Đại lý phân phối: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Kim Ngân	614.000								
463	Sơn	Sơn phủ ngoại thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Jotashield Bền Màu Tối Ưu	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Đại lý phân phối: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Kim Ngân	577.000								
464	Sơn	Sơn phủ ngoại thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Jotashield Sạch Vượt Trội	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Đại lý phân phối: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Kim Ngân	477.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
465	Sơn	Sơn phủ ngoại thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Jotashield Chống Phai Màu	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	455.000								
466	Sơn	Sơn phủ ngoại thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Tough Shield Max Sơn Mờ Ngoại Thất	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	296.000								
467	Sơn	Sơn phủ ngoại thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Tough Shield Sơn Mờ Ngoại Thất	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	172.000								
468	Sơn	Sơn phủ ngoại thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Waterguard Sơn Chống Thẩm	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	202.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
469	Sơn	Sơn phủ nội thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Majestic Sang Trọng	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	432.000								
470	Sơn	Sơn phủ nội thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Majestic Đẹp Hoàn Hảo Bóng	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	368.000								
471	Sơn	Sơn phủ nội thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Majestic Đẹp Hoàn Hảo Mờ	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	368.000								
472	Sơn	Sơn phủ nội thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Essence Che Phủ Tối Đa Bóng	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	268.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
473	Sơn	Sơn phủ nội thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Essence Che Phủ Tối Đa Mờ	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	259.000								
474	Sơn	Sơn phủ nội thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Essence Trần Chuyên Dụng	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	189.000								
475	Sơn	Sơn phủ nội thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Essence Dề Lau Chùi	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	220.000								
476	Sơn	Sơn phủ nội thất JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Jotaplast Sơn Mờ Nội Thất	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	99.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
477	Sơn	Sơn phủ cho gỗ và kim loại JOTUN	Lít	Không có thông tin	Gardex Primer	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	168.000								
478	Sơn	Sơn phủ cho gỗ và kim loại JOTUN	Lít	Không có thông tin	Gardex Bóng Mờ	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	216.000								
479	Sơn	Sơn phủ cho gỗ và kim loại JOTUN	Lít	Không có thông tin	Essence Siêu Bóng	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	205.000								
480	Sơn	Sơn lót chống kiềm JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Ultra Sơn Lót Chống Kiềm Nội & Ngoại Thất	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	255.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
481	Sơn	Sơn lót chống kiềm JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Jotashield Primer Sơn Lót Chống Kiềm Cao Cấp Ngoại Thất	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	237.000								
482	Sơn	Sơn lót chống kiềm JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Tough Shield Primer Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	193.000								
483	Sơn	Sơn lót chống kiềm JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Majestic Primer Sơn Lót Chống Kiềm Cao cấp Nội Thất	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	195.000								
484	Sơn	Sơn lót chống kiềm JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Essence Sơn Lót Chống Kiềm Nội & Ngoại Thất	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	185.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
485	Sơn	Sơn lót chống kiềm JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Alkyd Primer Sơn Lót Chống Ri Màu Xám	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	149.000								
486	Sơn	Sơn lót chống kiềm JOTUN	Lít	TCVN 8652:2020	Alkyd Primer Sơn Lót Chống Ri Màu Đỏ	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	139.000								
487	Sơn	Bột bả	Kg	TCVN 7239:2003	Jotun Interior & Exterior Putty Bột Bả Cao Cấp Nội & Ngoại Thất	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	13.000								
488	Sơn	Bột bả	Kg	TCVN 7239:2003	Jotun Exterior Putty Bột Bả Cao Cấp Ngoại Thất	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phài (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	12.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
489	Sơn	Bột bả	Kg	TCVN 7239:2003	Jotun Interior Putty Bột Bả Cao Cấp Nội Thất	Công ty TNHH Sơn JOTUN Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố (không bao gồm các địa bàn thuộc xã Sùng Phái (cũ) huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu)	Nt	9.000								
490	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất KIARI	lít	TCVN 8652:2020		Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại thị trấn				121.000					
491	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất KIARI	lít	TCVN 8652:2020		Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn				139.000					
492	Sơn	Sơn phủ nội thất KIARI	lít	TCVN 8652:2020	Mịn nội thất cao cấp	Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn				80.222					
493	Sơn	Sơn phủ nội thất KIARI	lít	TCVN 8652:2020	Sơn siêu trắng trần cao cấp	Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn				108.666					
494	Sơn	Sơn phủ nội thất KIARI	lít	TCVN 8652:2020	Sơn bóng nội thất cao cấp	Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn				189.777					
495	Sơn	Sơn phủ nội thất KIARI	lít	TCVN 8652:2020	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp	Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn				224.222					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
496	Sơn	Sơn phủ ngoại thất KIARI	lít	TCVN 8652:2020	Sơn mịn ngoại thất cao cấp	Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn				140.888					
497	Sơn	Sơn phủ ngoại thất KIARI	lít	TCVN 8652:2020	Sơn bóng ngoại thất cao cấp	Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn				218.222					
498	Sơn	Sơn phủ ngoại thất KIARI	lít	TCVN 8652:2020	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp	Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn				248.444					
499	Sơn	Sơn chống thấm và sơn đặc biệt KIARI	lít	TCVN 8652:2020	Sơn chống thấm cao cấp	Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn				164.444					
500	Sơn	Sơn chống thấm và sơn đặc biệt KIARI	lít	TCVN 8652:2020	Sơn chống thấm màu	Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn				177.111					
501	Sơn	Bột bả ngoại thất cao cấp	bao	TCVN 7239:2003	40kg/bao	Công ty Cổ phần tập đoàn ASASUN	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn				399.000					
502	Sơn	Sơn nước trong nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn lót kháng kiềm cao cấp trong nhà	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			109.091						
503	Sơn	Sơn nước trong nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn lót kháng kiềm cao cấp trong nhà	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			100.364						

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
504	Sơn	Sơn nước trong nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn bóng cao cấp trong nhà	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			112.500						
505	Sơn	Sơn nước trong nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn bóng cao cấp trong nhà	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			104.318						
506	Sơn	Sơn nước trong nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn không bóng trong nhà	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			75.000						
507	Sơn	Sơn nước trong nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn không bóng trong nhà	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			67.682						
508	Sơn	Sơn nước ngoài trời	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn lót kháng kiềm cao cấp ngoài trời	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			180.682						
509	Sơn	Sơn nước ngoài trời	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn lót kháng kiềm cao cấp ngoài trời	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			164.909						
510	Sơn	Sơn nước ngoài trời	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn bóng cao cấp ngoài trời	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			283.636						
511	Sơn	Sơn nước ngoài trời	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn bóng cao cấp ngoài trời	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			269.318						

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
512	Sơn	Sơn nước ngoài trời	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn không bóng cao cấp ngoài trời	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			149.773						
513	Sơn	Sơn nước ngoài trời	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn không bóng cao cấp ngoài trời	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			137.955						
514	Sơn	Sơn nước ngoài trời	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn không bóng ngoài trời	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			97.273						
515	Sơn	Sơn nước ngoài trời	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn không bóng ngoài trời	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			88.000						
516	Sơn	Sơn màu pha sẵn trong và ngoài nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn màu pha sẵn trong nhà	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			63.409						
517	Sơn	Sơn màu pha sẵn trong và ngoài nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn màu pha sẵn trong nhà	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			55.409						
518	Sơn	Sơn màu pha sẵn trong và ngoài nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn màu pha sẵn ngoài trời màu nhạt	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			87.727						
519	Sơn	Sơn màu pha sẵn trong và ngoài nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn màu pha sẵn ngoài trời màu nhạt	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			81.273						

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
520	Sơn	Sơn màu pha sẵn trong và ngoài nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn màu pha sẵn ngoài trời màu đậm	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			114.773						
521	Sơn	Sơn màu pha sẵn trong và ngoài nhà	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn màu pha sẵn ngoài trời màu đậm	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			106.000						
522	Sơn	Sơn sân thể thao, sân công nghiệp	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn sân tennis, sân thể thao đa năng màu trắng, xanh, đỏ	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			290.909						
523	Sơn	Sơn sân thể thao, sân công nghiệp	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn sân tennis, sân thể thao đa năng màu trắng, xanh, đỏ	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			276.136						
524	Sơn	Sơn sân thể thao, sân công nghiệp	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn men bán bóng phù sân trong nhà chịu mài mòn	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			270.000						
525	Sơn	Sơn sân thể thao, sân công nghiệp	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn men bán bóng phù sân trong nhà chịu mài mòn	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			260.000						
526	Sơn	Sơn sân thể thao, sân công nghiệp	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn men bóng phù sân trong nhà chịu mài mòn	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			309.091						
527	Sơn	Sơn sân thể thao, sân công nghiệp	đ/kg	TCVN 8652:2020	Sơn men bóng phù sân trong nhà chịu mài mòn	Tập đoàn sơn Kova	Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán tại thị trấn			299.500						

[illegible]

[illegible]

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
563	Son	Son siêu bóng ngoại thất Super Gold	Lon	TCVN 8652:2020	1 lít/lon	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	526.000	
564	Son	Bột bả ngoại thất	Bao	TCVN 7239:2003	40kg/bao	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	974.000	974.000	974.000	974.000	974.000	974.000	974.000	974.000	
565	Son	Bột bả nội thất	Bao	TCVN 7239:2003	40kg/bao	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	747.000	747.000	747.000	747.000	747.000	747.000	747.000	747.000	
566	Son	Chống thấm da dụn	Thùng	TCVN 8652:2020	18lít / thùng	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	4.481.000	4.481.000	4.481.000	4.481.000	4.481.000	4.481.000	4.481.000	4.481.000	
567	Son	Chống thấm da dụn	Lon	TCVN 8652:2020	5 lít/lon	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	1.325.000	1.325.000	1.325.000	1.325.000	1.325.000	1.325.000	1.325.000	1.325.000	
568	Son	Chống thấm màu	Thùng	TCVN 8652:2020	18lít / thùng	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	4.909.000	4.909.000	4.909.000	4.909.000	4.909.000	4.909.000	4.909.000	4.909.000	
569	Son	Chống thấm màu	Lon	TCVN 8652:2020	5 lít/lon	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	1.441.000	1.441.000	1.441.000	1.441.000	1.441.000	1.441.000	1.441.000	1.441.000	
570	Son	Clear bóng	Thùng	TCVN 8652:2020	18lít / thùng	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	4.294.000	4.294.000	4.294.000	4.294.000	4.294.000	4.294.000	4.294.000	4.294.000	
571	Son	Clear bóng	Lon	TCVN 8652:2020	5 lít/lon	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	1.263.000	1.263.000	1.263.000	1.263.000	1.263.000	1.263.000	1.263.000	1.263.000	
572	Son	Giả đá	Lon	TCVN 8652:2020	5 lít/lon	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	1.675.000	1.675.000	1.675.000	1.675.000	1.675.000	1.675.000	1.675.000	1.675.000	
573	Son	Son nhũ	Lon	TCVN 8652:2020	5 lít/lon	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	3.740.000	3.740.000	3.740.000	3.740.000	3.740.000	3.740.000	3.740.000	3.740.000	
574	Son	Son nhũ	Lon	TCVN 8652:2020	1 lít/lon	Anper	Nt	Không có thông tin	Nt	740.000	740.000	740.000	740.000	740.000	740.000	740.000	740.000	
575	Vật tư thiết bị điện	Bóng đèn led trụ Rạng Đông	Cái	không có thông tin	50W	Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	230.000	228.000	230.000	228.000	240.000	240.000	235.000	235.000	
576	Vật tư thiết bị điện	Bóng đèn led trụ Rạng Đông	Cái	không có thông tin	40W	Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	200.000	195.000	200.000	195.000	210.000	210.000	200.000	195.000	
577	Vật tư thiết bị điện	Bóng đèn led trụ Rạng Đông	Cái	không có thông tin	30W	Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	160.000	155.000	160.000	156.000	170.000	170.000	160.000	155.000	
578	Vật tư thiết bị điện	Bóng đèn led tròn Rạng Đông	Cái	không có thông tin	20W	Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	100.000	95.000	100.000	98.000	110.000	105.000	100.000	100.000	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
579	Vật tư thiết bị điện	Bóng đèn led tròn Rạng Đông	Cái	không có thông tin	15W	Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện, thành phố	85.000	78.000	80.000	80.000	90.000	90.000	85.000	85.000	
580	Vật tư thiết bị điện	Bóng đèn led tròn Rạng Đông	Cái	không có thông tin	12W	Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện, thành phố	70.000	63.936	65.000	70.000	80.000	80.000	75.000	75.000	
581	Vật tư thiết bị điện	Bóng bán nguyệt Rạng Đông	Cái	không có thông tin	M36W	Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện, thành phố		190.000							
582	Vật tư thiết bị điện	Bóng tuýp led 1,2m	Cái	không có thông tin		Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện, thành phố	145.000	142.000	145.000	140.000					
583	Vật tư thiết bị điện	Bóng bán nguyệt dẹt 1,2m	Cái	không có thông tin		Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện, thành phố	255.000	250.000	250.000	250.000					
584	Vật tư thiết bị điện	Bóng đèn tuýp 1,2m	Cái	không có thông tin	60W	Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện, thành phố	100.000	90.000	100.000	90.000	110.000	110.000	100.000	95.000	
585	Vật tư thiết bị điện	Bóng đèn tuýp 1,2m	Cái	không có thông tin	50W	Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện, thành phố	90.000	80.000	90.000	85.000	100.000	100.000	95.000	85.000	
586	Vật tư thiết bị điện	Đèn sát trần có chụp	Cái	không có thông tin	Đèn âm trần 18W	Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện, thành phố	200.000	190.000	200.000	195.000	220.000	220.000	210.000	200.000	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
587	Vật tư thiết bị điện	Đèn sát trần có chụp	Cái	không có thông tin	Đèn âm trần 18W	Công ty Cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	260.000	250.000	260.000	260.000	270.000	270.000	260.000	260.000	
588	Vật tư thiết bị điện	Dây điện trần phủ	m	không có thông tin	2x4mm	Công ty Cơ điện Trần Phú	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	26.500	26.000	26.300	27.000	28.000	28.000	27.300	27.000	
589	Vật tư thiết bị điện	Dây điện trần phủ	m	không có thông tin	2x2,5mm	Công ty Cơ điện Trần Phú	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	17.500	17.000	17.500	18.000	20.000	20.000	18.500	18.000	
590	Vật tư thiết bị điện	Dây điện trần phủ	m	không có thông tin	2x1,5mm	Công ty Cơ điện Trần Phú	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	11.500	10.500	11.500	12.000	13.000	13.000	12.500	12.000	
591	Vật tư thiết bị điện	Dây điện trần phủ	m	không có thông tin	2x1,0mm	Công ty Cơ điện Trần Phú	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	7.900	7.500	7.900	8.300	10.000	10.000	9.500	9.000	
592	Vật tư thiết bị điện	Dây điện trần phủ	m	không có thông tin	2x0,75mm	Công ty Cơ điện Trần Phú	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	6.700	6.500	6.700	7.000	8.500	8.500	7.800	7.300	
593	Vật tư thiết bị điện	Dây điện trần phủ 2x10	m	không có thông tin	đơn tròn đen	Công ty Cơ điện Trần Phú	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	55.000	52.000	55.000	58.000	60.000	60.000	58.000	57.000	
594	Vật tư thiết bị điện	Dây điện trần phủ 2x6	m	không có thông tin	đơn tròn đen	Công ty Cơ điện Trần Phú	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	38.000	35.000	38.500	40.000	45.000	45.000	42.000	40.000	
595	Vật tư thiết bị điện	Aptomat 1 pha <=50Ampe	Cái	không có thông tin			Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	65.000	63.936	64.000	63.000	70.000	68.000	65.000	64.000	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
596	Vật tư thiết bị điện	Aptomat 3 pha <=100Ampe	Cái	không có thông tin			Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	105.000	100.000	102.000	100.000	110.000	108.000	105.000	104.000	
597	Vật tư thiết bị điện	Băng tan	Cái	không có thông tin			Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	7.000	6.364	6.800	6.500	9.000	8.500	8.000	8.000	
598	Vật tư thiết bị điện	Công tắc 1 hạt	Cái	không có thông tin			Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	14.000	12.909	13.000	12.600	16.000	15.000	14.500	14.000	
599	Vật tư thiết bị điện	Công tắc 2 hạt	Cái	không có thông tin			Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	16.000	13.636	14.500	14.000	18.000	18.000	17.500	17.000	
600	Vật tư thiết bị điện	Aptomat	Cái	không có thông tin	Ap 1 pha C50a	Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	70.000	65.000	70.000	65.000	75.000	74.000	72.000	70.000	
601	Vật tư thiết bị điện	Aptomat	Cái	không có thông tin	Ap 1 pha C40a	Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	65.000	60.000	65.000	62.000	70.000	70.000	68.000	67.000	
602	Vật tư thiết bị điện	Aptomat	Cái	không có thông tin	Ap 1 pha C32a	Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	50.000	45.000	50.000	45.000	55.000	54.000	52.000	50.000	
603	Vật tư thiết bị điện	Aptomat	Cái	không có thông tin	Ap 1 pha C20a	Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	40.000	38.000	38.000	36.000	45.000	43.000	40.000	40.000	
604	Vật tư thiết bị điện	Aptomat	Cái	không có thông tin	Ap 1 pha C16a	Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	35.000	35.000	35.000	35.000	40.000	40.000	38.000	37.000	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
605	Vật tư thiết bị điện	Aptomat	Cái	không có thông tin	Ap 2 pha 2C50a	Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	120.000	105.000	110.000	110.000	130.000	128.000	125.000	125.000	
606	Vật tư thiết bị điện	Aptomat	Cái	không có thông tin	Ap 2 pha 2C40a	Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	110.000	100.000	105.000	105.000	115.000	114.000	110.000	11.000	
607	Vật tư thiết bị điện	Aptomat	Cái	không có thông tin	Ap 2 pha 2C32a	Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	100.000	95.000	100.000	100.000	100.000	95.000	100.000	110.000	
608	Vật tư thiết bị điện	Aptomat	Cái	không có thông tin	Ap 2 pha 2C20a	Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	90.000	90.000	90.000	90.000	95.000	95.000	93.000	93.000	
609	Vật tư thiết bị điện	Aptomat	Cái	không có thông tin	Ap 2 pha 2C16a	Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	85.000	85.000	85.000	85.000	90.000	90.000	85.000	85.000	
610	Vật tư thiết bị điện	Mặt công tác	Cái	không có thông tin		Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	12.000	11.000	11.500	12.000	14.500	13.500	12.000	12.000	
611	Vật tư thiết bị điện	Mặt 1 công tác 2 ổ cắm	Cái	không có thông tin		Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	45.000	40.000	43.000	42.000	50.000	48.000	45.000	42.000	
612	Vật tư thiết bị điện	Mặt 2 công tác 1 ổ cắm	Cái	không có thông tin		Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	45.000	40.000	43.000	42.000	50.000	49.000	45.000	42.000	
613	Vật tư thiết bị điện	Mặt 2 ổ cắm	Cái	không có thông tin		Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	50.000	48.000	50.000	45.000	55.000	54.000	53.000	52.000	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
614	Vật tư thiết bị điện	Mặt 3 ổ cắm	Cái	không có thông tin		Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	55.000	50.000	52.000	54.000	60.000	60.000	58.000	56.000	
615	Vật tư thiết bị điện	Hạt công tắc	Cái	không có thông tin		Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	12.000	12.000	12.000	12.000	14.000	13.500	12.000	12.000	
616	Vật tư thiết bị điện	Đế nổi	Cái	không có thông tin		Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	7.000	6.000	7.000	7.000	9.000	8.000	7.000	7.000	
617	Vật tư thiết bị điện	Đế đèn âm đơn	Cái	không có thông tin		Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	8.000	7.000	7.500	7.500	9.000	8.000	7.000	7.000	
618	Vật tư thiết bị điện	Đế đèn âm đôi	Cái	không có thông tin		Sino	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	12.000	11.500	12.000	12.000	14.000	14.000	13.000	13.000	
619	Vật tư thiết bị điện	Ổ cắm đôi	Cái	không có thông tin		Sino	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	43.000	40.909	42.000	40.500	50.000	50.000	45.000	45.000	
620	Vật tư thiết bị điện	Hộp số quạt trần	Cái	không có thông tin			Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	130.000	127.273	130.000	128.000	135.000	134.000	132.000	130.000	
621	Vật tư thiết bị điện	Quạt trần sợi cánh 14mm (cánh nhôm)+hộp số	Cái	không có thông tin			Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	850.000	818.182	830.000	825.000	900.000	900.000	830.000	825.000	
622	Vật tư thiết bị điện	Tủ điện	Bộ	không có thông tin	300x200x150		Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	135.000	127.273	130.000	128.000	140.000	135.000	130.000	128.000	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
623	Vật tư thiết bị điện	Ống ghen luồn dây điện	m	không có thông tin	D16		Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	2.500	2.000	1.900	1.950	3.000	3.000	2.000	1.950	
624	Vật tư thiết bị điện	Ống ghen luồn dây điện	m	không có thông tin	D20		Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	3.000	2.500	2.500	2.000	3.500	3.400	3.000	2.800	
625	Vật tư thiết bị điện	Ống ghen luồn dây điện	m	không có thông tin	D25		Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	3.200	3.000	3.100	3.000	4.000	3.900	3.600	3.400	
626	Vật tư thiết bị điện	Máng luồn điện	d/cây	không có thông tin	40x20mm		Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	60.000	60.000	60.000	60.000	65.000	65.000	63.000	63.000	
627	Vật tư thiết bị điện	Máng luồn điện	d/cây	không có thông tin	28x10mm		Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	45.000	45.000	45.000	45.000	48.000	48.000	45.000	45.000	
628	Vật tư thiết bị điện	Máng luồn điện	d/cây	không có thông tin	18x10mm		Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng các huyện huyện, thành phố	30.000	30.000	30.000	30.000	35.000	35.000	30.000	30.000	
629	Vật tư thiết bị điện	Quạt trần vina Wind	Bộ	không có thông tin			Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	880.000	800.000	860.000	850.000	880.000	800.000	860.000	850.000	
630	Vật tư thiết bị điện	Quạt treo tường VinaWin	Bộ	không có thông tin			Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	550.000	500.000	530.000	520.000	550.000	500.000	530.000	520.000	
631	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	Bộ gương Viglacera khung nhựa	Bộ	không có thông tin		Viglacera	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	200.000	187.000	200.000	195.000	210.000	220.000	195.000	195.000	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
632	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	Bộ gương Viglacera khung Inox	Bộ	không có thông tin		Viglacera	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	880.000	850.000	860.000	855.000	880.000	900.000	860.000	855.000	
633	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	Chậu rửa mặt Viglacera CD1	Cái	không có thông tin	CD1	Viglacera	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	830.000	820.000	830.000	825.000	850.000	900.000	840.000	830.000	
634	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	Chậu rửa mặt Viglacera CA2	Cái	không có thông tin	CA2	Viglacera	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	1.140.000	1.130.000	1.140.000	1.130.000	1.200.000	1.230.000	1.800.000	1.750.000	
635	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	Chậu rửa mặt Viglacera CD21	Cái	không có thông tin	CD21	Viglacera	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	1.120.000	1.110.000	1.120.000	1.110.000	1.190.000	1.200.000	1.160.000	1.150.000	
636	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	Chậu rửa mặt Viglacera VU6 + chân chậu VI3N	Bộ	không có thông tin	VU6	Viglacera	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	1.200.000	1.190.000	1.200.000	1.190.000	1.250.000	1.280.000	1.200.000	1.190.000	
637	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	Chậu rửa mặt và chân dài Viglacera trẻ em BS418	Bộ	không có thông tin	BS418	Viglacera	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	880.000	870.000	880.000	870.000	900.000	930.000	880.000	870.000	
638	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	Chậu rửa mặt và chân lưng Viglacera V39	Bộ	không có thông tin	V39	Viglacera	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	950.000	940.000	950.000	940.000	1.000.000	1.050.000	950.000	940.000	
639	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	BỒN CẦU VIGLACERA 2 KHÔI VI28	Bộ	không có thông tin	VI28; kích thước 785 x 370 x 770cm	Viglacera	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	1.650.000	1.640.000	1.650.000	1.610.000	1.750.000	1.800.000	1.650.000	1.640.000	

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
640	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	BỒN CẦU VIGLACERA 2 KHÔI V144	Bộ	không có thông tin	375 x 765 x 750cm	Viglacera	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	1.590.000	1.550.000	1.590.000	1.540.000	1.650.000	1.700.000	1.600.000	1.580.000	
641	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	BỒN TIỂU NAM VIGLACERA TT1	Bộ	không có thông tin	TT1	Viglacera	Việt Nam	không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	450.000	440.000	450.000	445.000	500.000	550.000	450.000	445.000	
642	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	BỒN TIỂU NAM VIGLACERA T1	Bộ	không có thông tin	T1, tự động xả nước cảm ứng	Viglacera	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	1.450.000	1.435.000	1.450.000	1.440.000	1.550.000	1.600.000	1.500.000	1.450.000	
643	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	VAN XẢ TIỂU NHÂN VIGLACERA VGHX05	Cái	không có thông tin		Viglacera	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán tại cửa hàng trung tâm thị trấn các huyện, thành phố	830.000	825.000	835.000	830.000	900.000	950.000	835.000	830.000	
644	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	BỒN TIỂU NỮ VIGLACERA VB5	Bộ	không có thông tin	470 x 343 x 385cm	Viglacera	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán bình quân tại cửa hàng trung tâm các huyện, thành phố	950.000	940.000	950.000	950.000	1.000.000	1.050.000	950.000	950.000	
645	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	VÒI RỬA BÁT VIGLACERA VG706	Cái	không có thông tin		Viglacera	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán bình quân tại cửa hàng trung tâm các huyện, thành phố	600.000	550.000	580.000	570.000	700.000	750.000	650.000	600.000	
646	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	VÒI RỬA BÁT VIGLACERA VG701	Cái	không có thông tin		Viglacera	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán bình quân tại cửa hàng trung tâm các huyện, thành phố	1.350.000	1.300.000	1.320.000	1.310.000	1.450.000	1.500.000	1.380.000	1.350.000	
647	Vật liệu nước, thiết bị vệ sinh	XỊT VỆ SINH VIGLACERA VG826	Cái	không có thông tin	dùng cho nhà vệ sinh và bồn cầu,chất liệu nhựa ABS chịu va đập, bóng mịn để vệ sinh	Viglacera	Việt Nam	Không có thông tin	Là mức giá bán bình quân tại cửa hàng trung tâm các huyện, thành phố	190.000	185.000	190.000	190.000	210.000	250.000	200.000	195.000	

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1276	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1000x600x350 thiết bị ngoại 100A	Cái	không có thông tin		Công ty cổ phần Winco Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Là mức Giá bán trên địa bàn khu vực tỉnh Lai Châu									17.649.576
1277	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1000x600x350 thiết bị ngoại 50A	Cái	không có thông tin		Công ty cổ phần Winco Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Là mức Giá bán trên địa bàn khu vực tỉnh Lai Châu									14.175.000
1278	Vật tư ngành điện	Tủ điện ĐK HTCS 1200x600x350 thiết bị ngoại 100A, tích hợp thiết bị giám sát điều khiển đèn LED qua APP, Mobile, PC hoặc trung tâm điều khiển có sẵn	Cái	không có thông tin		Công ty cổ phần Winco Việt Nam	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Là mức Giá bán trên địa bàn khu vực tỉnh Lai Châu									86.400.000
1279	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Sơn Hà	Cái	TCVN 5834:1994	1000L nằm		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện		2.300.000							
1280	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Sơn Hà	Cái	TCVN 5834:1994	1200L Đứng		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện		2.545.455							
1281	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Sơn Hà	Cái	TCVN 5834:1994	1500L nằm		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện		4.500.000							
1282	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Sơn Hà	Cái	TCVN 5834:1994	15000L đứng		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện		4.200.000							

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1283	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Sơn Hà	Cái	TCVN 5834:1994	2000L nằm		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện		5.500.000							
1284	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Sơn Hà	Cái	TCVN 5834:1994	2000L đứng		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện		5.000.000							
1285	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Sơn Hà	Cái	TCVN 5834:1994	3000L nằm		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện		7.500.000							
1286	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Tân Thành	Cái	TCVN 5834:1994	2000L ngang		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện				5.100.000					
1287	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Tân Thành	Cái	TCVN 5834:1994	2000L đứng		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện				4.800.000					
1288	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Tân Thành	Cái	TCVN 5834:1994	1500Lngang		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện				4.100.000					
1289	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Tân Thành	Cái	TCVN 5834:1994	1500L đứng		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện				3.800.000					
1290	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Tân Thành	Cái	TCVN 5834:1994	1200Lngang		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện				3.600.000					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1291	Vật tư ngành nước	Bồn nước Inox Tân Thành	Cái	TCVN 5834:1994	1200L đứng		Việt Nam	Vận chuyển trong phạm vi địa giới hành chính của thị trấn huyện	Là mức giá bán bình quân tại trung tâm thị trấn huyện				2.800.000					
1292	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	310 Đ	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	1.980.909	1.980.909	1.980.909	1.980.909					
1293	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	500 Đ	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.535.455	2.535.455	2.535.455	2.535.455					
1294	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	700 Đ	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.135.455	3.135.455	3.135.455	3.135.455					
1295	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	1000 Đ	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	4.199.091	4.199.091	4.199.091	4.199.091					
1296	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	1200 Đ	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	5.026.364	5.026.364	5.026.364	5.026.364					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1297	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	1300 Đ	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	5.326.364	5.326.364	5.326.364	5.326.364					
1298	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	1500 (1140)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	6.435.455	6.435.455	6.435.455	6.435.455					
1299	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	1500 (980)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	6.526.364	6.526.364	6.526.364	6.526.364					
1300	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	2000 (1340)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	8.899.091	8.899.091	8.899.091	8.899.091					
1301	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	2000 (1140)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	8.399.091	8.399.091	8.399.091	8.399.091					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1302	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	2500 (1400)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	10.408.182	10.408.182	10.408.182	10.408.182					
1303	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	2500 (1140)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	10.271.818	10.271.818	10.271.818	10.271.818					
1304	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	3000 (1340)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	12.444.545	12.444.545	12.444.545	12.444.545					
1305	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	3000 (1140)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	12.053.636	12.053.636	12.053.636	12.053.636					
1306	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	3500 (1340)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	14.108.182	14.108.182	14.108.182	14.108.182					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1307	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	4000 (1340)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	15.890.000	15.890.000	15.890.000	15.890.000					
1308	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	4500 (1340)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	17.853.636	17.853.636	17.853.636	17.853.636					
1309	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	5000 (1400)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	19.999.091	19.999.091	19.999.091	19.999.091					
1310	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	6000 (1400)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	23.926.364	23.926.364	23.926.364	23.926.364					
1311	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	Bồn inox 10.000	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	43.636.364	43.636.364	43.636.364	43.636.364					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1312	Vật tư ngành nước	Bồn nước đứng	Cái	TCVN 5834:1994	Bê Inox lắp ghép 35m3 đến 1.000m3	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	6.818.182	6.818.182	6.818.182	6.818.182					
1313	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	310N	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.099.091	2.099.091	2.099.091	2.099.091					
1314	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	500N	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.671.818	2.671.818	2.671.818	2.671.818					
1315	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	700N	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.271.818	3.271.818	3.271.818	3.271.818					
1316	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	1000N	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	4.380.909	4.380.909	4.380.909	4.380.909					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1317	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	1200N	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	5.244.545	5.244.545	5.244.545	5.244.545					
1318	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	1300N	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	5.562.727	5.562.727	5.562.727	5.562.727					
1319	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	1500 (1140)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	6.662.727	6.662.727	6.662.727	6.662.727					
1320	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	1500 (980)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	6.799.091	6.799.091	6.799.091	6.799.091					
1321	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	2000 (1340)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	9.262.727	9.262.727	9.262.727	9.262.727					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1322	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	2000 (1140)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	8.717.273	8.717.273	8.717.273	8.717.273					
1323	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	2500 (1400)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	10.862.727	10.862.727	10.862.727	10.862.727					
1324	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	2500 (1140)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	10.726.364	10.726.364	10.726.364	10.726.364					
1325	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	3000 (1340)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	12.953.636	12.953.636	12.953.636	12.953.636					
1326	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	3000 (1140)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	12.562.727	12.562.727	12.562.727	12.562.727					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1327	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	3500 (1340)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	14.653.636	14.653.636	14.653.636	14.653.636					
1328	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	4000 (1340)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	16.526.364	16.526.364	16.526.364	16.526.364					
1329	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	4500 (1340)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	18.580.909	18.580.909	18.580.909	18.580.909					
1330	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	5000 (1400)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	20.817.273	20.817.273	20.817.273	20.817.273					
1331	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	6000 (1400)	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	24.744.545	24.744.545	24.744.545	24.744.545					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1332	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	Bồn inox 10.000	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	50.909.091	50.909.091	50.909.091	50.909.091					
1333	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	Bồn inox 12.000	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	61.090.909	61.090.909	61.090.909	61.090.909					
1334	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	Bồn inox 15.000	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	78.181.818	78.181.818	78.181.818	78.181.818					
1335	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	Bồn inox 20.000	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	105.454.545	105.454.545	105.454.545	105.454.545					
1336	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	Bồn inox 25.000	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	131.818.182	131.818.182	131.818.182	131.818.182					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1337	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	Bồn inox 30.000	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	158.181.818	158.181.818	158.181.818	158.181.818					
1338	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	Bồn inox 35.000	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	184.545.455	184.545.455	184.545.455	184.545.455					
1339	Vật tư ngành nước	Bồn nước ngang	Cái	TCVN 5834:1994	Bê Inox lắp ghép 35m3 đến 1.000m3	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	8.636.364	8.636.364	8.636.364	8.636.364					
1340	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	TA 300 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	1.212.037	1.212.037	1.212.037	1.212.037					
1341	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	TA 400 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	1.536.111	1.536.111	1.536.111	1.536.111					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1342	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	TA 500 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	1.823.148	1.823.148	1.823.148	1.823.148					
1343	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	TA 700 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.360.185	2.360.185	2.360.185	2.360.185					
1344	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	TA 1000 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.082.407	3.082.407	3.082.407	3.082.407					
1345	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	TA 1500 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	4.675.000	4.675.000	4.675.000	4.675.000					
1346	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	TA 2000 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	6.073.148	6.073.148	6.073.148	6.073.148					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1347	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	TA 3000 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	8.647.222	8.647.222	8.647.222	8.647.222					
1348	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	TA 4000 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	11.313.889	11.313.889	11.313.889	11.313.889					
1349	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	TA 5000 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	15.045.370	15.045.370	15.045.370	15.045.370					
1350	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	TA 10 000 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	31.017.593	31.017.593	31.017.593	31.017.593					
1351	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa ngang	Cái	không có thông tin	TA 300 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	1.397.222	1.397.222	1.397.222	1.397.222					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1352	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa ngang	Cái	không có thông tin	TA 400 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	1.721.296	1.721.296	1.721.296	1.721.296					
1353	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa ngang	Cái	không có thông tin	TA 500 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	1.897.222	1.897.222	1.897.222	1.897.222					
1354	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa ngang	Cái	không có thông tin	TA 700 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.637.963	2.637.963	2.637.963	2.637.963					
1355	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa ngang	Cái	không có thông tin	TA 1000 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.637.963	3.637.963	3.637.963	3.637.963					
1356	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa ngang	Cái	không có thông tin	TA 1500 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	5.693.519	5.693.519	5.693.519	5.693.519					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1357	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa ngang	Cái	không có thông tin	TA 2000 EX	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	7.369.444	7.369.444	7.369.444	7.369.444					
1358	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	PL 500	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	1.925.000	1.925.000	1.925.000	1.925.000					
1359	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	PL 1000	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.443.519	3.443.519	3.443.519	3.443.519					
1360	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	PL 1500	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	4.980.556	4.980.556	4.980.556	4.980.556					
1361	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn đứng	Cái	không có thông tin	PL 2000	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	6.480.556	6.480.556	6.480.556	6.480.556					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1362	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn ngang	Cái	không có thông tin	PL 500	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.128.704	2.128.704	2.128.704	2.128.704					
1363	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa bồn ngang	Cái	không có thông tin	PL 1000	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.795.370	3.795.370	3.795.370	3.795.370					
1364	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa tự hoại (bồn đứng)	Cái	BS EN 12566-1:2016/EN 12566-12016:Small wastewater treatmet systems for up to 50PT	ĐT 1000 SE	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	4.350.926	4.350.926	4.350.926	4.350.926					
1365	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa tự hoại (bồn đứng)	Cái	BS EN 12566-1:2016/EN 12566-12016:Small wastewater treatmet systems for up to 50PT	ĐT 1500 SE	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	6.110.185	6.110.185	6.110.185	6.110.185					
1366	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa tự hoại (bồn đứng)	Cái	BS EN 12566-1:2016/EN 12566-12016:Small wastewater treatmet systems for up to 50PT	ĐT 2000 SE	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	8.610.185	8.610.185	8.610.185	8.610.185					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1367	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa tự hoại (bồn đứng)	Cái	BS EN 12566-1:2016/EN 12566-12016:Small wastewater treatmet systems for up to 50PT	ĐT 1000 SE	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	5.276.852	5.276.852	5.276.852	5.276.852					
1368	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa tự hoại (bồn ngang)	Cái	BS EN 12566-1:2016/EN 12566-12016:Small wastewater treatmet systems for up to 50PT	ĐT 1700 SE	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	7.036.111	7.036.111	7.036.111	7.036.111					
1369	Vật tư ngành nước	Bồn nhựa tự hoại (bồn ngang)	Cái	BS EN 12566-1:2016/EN 12566-12016:Small wastewater treatmet systems for up to 50PT	ĐT 2000 SE	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	9.536.111	9.536.111	9.536.111	9.536.111					
1370	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng cao cấp (bình ngang)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 15L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.295.370	3.295.370	3.295.370	3.295.370					
1371	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng cao cấp (bình ngang)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 20L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.387.963	3.387.963	3.387.963	3.387.963					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1372	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng cao cấp (bình ngang)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 30L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.526.852	3.526.852	3.526.852	3.526.852					
1373	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng cao cấp (bình vuông)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 15L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.063.889	3.063.889	3.063.889	3.063.889					
1374	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng cao cấp (bình vuông)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 20L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.156.481	3.156.481	3.156.481	3.156.481					
1375	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng cao cấp (bình vuông)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 30L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.295.370	3.295.370	3.295.370	3.295.370					
1376	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng kinh tế (bình ngang)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 15L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.878.704	2.878.704	2.878.704	2.878.704					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1377	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng kinh tế (bình ngang)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 20L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.971.296	2.971.296	2.971.296	2.971.296					
1378	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng kinh tế (bình ngang)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 30L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	3.110.185	3.110.185	3.110.185	3.110.185					
1379	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng kinh tế (bình vuông)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 15L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.647.222	2.647.222	2.647.222	2.647.222					
1380	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng kinh tế (bình vuông)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 20L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.739.815	2.739.815	2.739.815	2.739.815					
1381	Vật tư ngành nước	Bình nước nóng kinh tế (bình vuông)	Cái	TCVN 7898:2009	Bình nước nóng 30L	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.878.704	2.878.704	2.878.704	2.878.704					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1382	Vật tư ngành nước	Máy năng lượng mặt trời TA8 160	Cái	TCVN 8251:2009		Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	8.008.333	8.008.333	8.008.333	8.008.333					
1383	Vật tư ngành nước	Máy năng lượng mặt trời TA8 180	Cái	TCVN 8251:2009		Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	8.332.407	8.332.407	8.332.407	8.332.407					
1384	Vật tư ngành nước	Máy năng lượng mặt trời TA8 200	Cái	TCVN 8251:2009		Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	9.258.333	9.258.333	9.258.333	9.258.333					
1385	Vật tư ngành nước	Máy năng lượng mặt trời TA8 230	Cái	TCVN 8251:2009		Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	10.739.815	10.739.815	10.739.815	10.739.815					
1386	Vật tư ngành nước	Máy năng lượng mặt trời TA8 260	Cái	TCVN 8251:2009		Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	11.573.148	11.573.148	11.573.148	11.573.148					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1387	Vật tư ngành nước	Máy lọc nước	Cái	TCVN 11978:2017	Loại 7 lõi	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	5.787.037	5.787.037	5.787.037	5.787.037					
1388	Vật tư ngành nước	Máy lọc nước	Cái	TCVN 11978:2017	Loại 8 lõi	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	5.879.630	5.879.630	5.879.630	5.879.630					
1389	Vật tư ngành nước	Máy lọc nước	Cái	TCVN 11978:2017	Loại 9 lõi - New - Ko UV	Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	6.342.593	6.342.593	6.342.593	6.342.593					
1390	Vật tư ngành nước	Sen vòi R709S	Cái	không có thông tin		Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	1.727.273	1.727.273	1.727.273	1.727.273					
1391	Vật tư ngành nước	Sen vòi R709V2	Cái	không có thông tin		Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	1.590.909	1.590.909	1.590.909	1.590.909					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1392	Vật tư ngành nước	Sen vòi R909S	Cái	không có thông tin		Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000					
1393	Vật tư ngành nước	Sen vòi R909V1	Cái	không có thông tin		Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	1.863.636	1.863.636	1.863.636	1.863.636					
1394	Vật tư ngành nước	Sen vòi 801S	Cái	không có thông tin		Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.181.818	2.181.818	2.181.818	2.181.818					
1395	Vật tư ngành nước	Sen vòi 701S	Cái	không có thông tin		Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tân Á Hưng Yên	Việt Nam	Vận chuyển đến công trình	Đại lý phân phối: Chi nhánh Công ty Cổ phần kim khí và gia dụng Tân Á Đại Thành tại Lai Châu	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000					
1396	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb 356-75	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm; Loại B			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	207.965	207.965	207.965	207.965					
1397	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb 356-100	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm x 224mm; Loại B			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	286.474	286.474	286.474	286.474					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1398	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb 445-75	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm; Loại B			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	205.703	205.703	205.703	205.703					
1399	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb 445-100	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm; Loại B			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	253.588	253.588	253.588	253.588					
1400	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb 445-150	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm; Loại B			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	367.836	367.836	367.836	367.836					
1401	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb 660-100	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm; Loại B			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	179.533	179.533	179.533	179.533					
1402	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb 660-120	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm; Loại B			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	224.599	224.599	224.599	224.599					
1403	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb 660-200	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm x 420mm; Loại B			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	359.310	359.310	359.310	359.310					

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
1404	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb 712-100	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm; Loại B			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	149.083	149.083	149.083	149.083					
1405	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb 712-120	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm x 448mm; Loại B			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	186.354	186.354	186.354	186.354					
1406	Vật liệu khác	Đầu neo clip sử dụng với cọc neo để định vị hệ thống neoweb trên mái	Cái					Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	8.000	8.000	8.000	8.000					
1407	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb cái tiền 356-120	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn danh định từ 75mm đến 150mm; Kích thước ô ngăn danh định 260mm x 224mm			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	245.758	245.758	245.758	245.758					
1408	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb cái tiền 356-150	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn danh định từ 75mm đến 150mm; Kích thước ô ngăn danh định 260mm x 224mm			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	290.418	290.418	290.418	290.418					
1409	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng Neoweb cái tiền 445-120	m²	TCVN 10544:2014	Chiều cao ô ngăn danh định từ 75mm đến 150mm; Kích thước ô ngăn danh định 340mm x 290mm			Vận chuyển đến công trình	Là mức giá bán trên địa bàn khu vực các huyện, thành phố	207.222	207.222	207.222	207.222					

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
3911	Vật tư ngành nước	Phụ kiện HDPE Đệ Nhất - Mặt Bích	Cái	Không có thông tin	Φ 450	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	1.124.000								2.070.000
3912	Vật tư ngành nước	Phụ kiện HDPE Đệ Nhất - Mặt Bích	Cái	Không có thông tin	Φ 500	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	2.219.000								3.050.000
3913	Vật tư ngành nước	Phụ kiện HDPE Đệ Nhất - Mặt Bích	Cái	Không có thông tin	Φ 560	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	2.278.000								3.600.000
3914	Vật tư ngành nước	Phụ kiện HDPE Đệ Nhất - Mặt Bích	Cái	Không có thông tin	Φ 630	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	2.188.000								4.700.000
3915	Vật tư ngành nước	Phụ kiện HDPE Đệ Nhất - Mặt Bích	Cái	Không có thông tin	Φ 710	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	2.125.000								10.580.000
3916	Vật tư ngành nước	Phụ kiện HDPE Đệ Nhất - Mặt Bích	Cái	Không có thông tin	Φ 800	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	2.499.800								10.970.000
3917	Vật tư ngành nước	Phụ kiện HDPE Đệ Nhất - Mặt Bích	Cái	Không có thông tin	Φ 900	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	2.311.000								13.110.000
3918	Vật tư ngành nước	Phụ kiện HDPE Đệ Nhất - Mặt Bích	Cái	Không có thông tin	Φ1000	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	2.454.000								16.100.000
3919	Vật tư ngành nước	Phụ kiện HDPE Đệ Nhất - Mặt Bích	Cái	Không có thông tin	Φ1200	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	2.842.000								34.450.000
3920	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối	Cái	Không có thông tin	Φ 21	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	3.185.000								1.200
3921	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối	Cái	Không có thông tin	Φ 27	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	3.424.000								1.600
3922	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối	Cái	Không có thông tin	Φ 34	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	4.012.000								1.800
3923	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối	Cái	Không có thông tin	Φ 42	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	4.820.000								3.100
3924	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối	Cái	Không có thông tin	Φ 49	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	5.712.000								4.000

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
3925	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối	Cái	Không có thông tin	Φ 60	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	6.846.000								7.000
3926	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối	Cái	Không có thông tin	Φ 75	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	7.489.000								9.400
3927	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối	Cái	Không có thông tin	Φ 90	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	9.181.000								15.800
3928	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối	Cái	Không có thông tin	Φ 110	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	11.076.500								22.900
3929	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối	Cái	Không có thông tin	Φ 125	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	12.304.000								84.700
3930	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Tê	Cái	Không có thông tin	Φ 21	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	12.606.000								2.100
3931	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Tê	Cái	Không có thông tin	Φ 27	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	13.183.000								3.500
3932	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Tê	Cái	Không có thông tin	Φ 34	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	13.959.000								4.700
3933	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Tê	Cái	Không có thông tin	Φ 42	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	14.570.000								6.700
3934	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Tê	Cái	Không có thông tin	Φ 49	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	14.388.000								10.000
3935	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Tê	Cái	Không có thông tin	Φ 60	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	14.990.000								15.400
3936	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Tê	Cái	Không có thông tin	Φ 75	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	15.810.000								26.900
3937	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Tê	Cái	Không có thông tin	Φ 90	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	17.110.000								43.500
3938	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Tê	Cái	Không có thông tin	Φ 110	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	16.458.000								62.300

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								Tỉnh Lai Châu
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	
3939	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Tê	Cái	Không có thông tin	Φ 125	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	17.346.000								123.000
3940	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 45°	Cái	Không có thông tin	Φ 21	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	19.902.000								1.300
3941	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 45°	Cái	Không có thông tin	Φ 27	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			2.750.000						1.700
3942	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 45°	Cái	Không có thông tin	Φ 34	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			2.350.000						2.600
3943	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 45°	Cái	Không có thông tin	Φ 42	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			3.150.000						3.900
3944	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 45°	Cái	Không có thông tin	Φ 49	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			2.850.000						6.200
3945	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 45°	Cái	Không có thông tin	Φ 60	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			2.550.000						14.200
3946	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 45°	Cái	Không có thông tin	Φ 75	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			2.150.000						17.500
3947	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 45°	Cái	Không có thông tin	Φ 90	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			3.050.000						23.600
3948	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 45°	Cái	Không có thông tin	Φ 110	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			2.750.000						35.400
3949	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 45°	Cái	Không có thông tin	Φ 125	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			2.550.000						83.200
3950	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 90°	Cái	Không có thông tin	Φ 21	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			2.350.000						1.300
3951	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 90°	Cái	Không có thông tin	Φ 27	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			28.000						2.100
3952	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 90°	Cái	Không có thông tin	Φ 34	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			25.000						3.100

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)							
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sìn Hồ	Huyện Phong Thổ
3953	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 90°	Cái	Không có thông tin	Φ 42	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			35.000					5.100
3954	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 90°	Cái	Không có thông tin	Φ 49	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			1.400.000					8.000
3955	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 90°	Cái	Không có thông tin	Φ 60	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			3.000.000					16.300
3956	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 90°	Cái	Không có thông tin	Φ 75	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			40.000					21.200
3957	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 90°	Cái	Không có thông tin	Φ 90	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			38.000					31.900
3958	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 90°	Cái	Không có thông tin	Φ 110	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			33.000					45.600
3959	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Cút 90°	Cái	Không có thông tin	Φ 125	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			3.000.000					88.800
3960	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối giám	Cái	Không có thông tin	Φ 27 x 21	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			3.300.000					1.200
3961	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối giám	Cái	Không có thông tin	Φ 34 x 21	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			40.000					1.700
3962	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối giám	Cái	Không có thông tin	Φ 34 x 27	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt			30.000					2.200
3963	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối giám	Cái	Không có thông tin	Φ 42 x 21	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	3.730.000							2.600
3964	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối giám	Cái	Không có thông tin	Φ 42 x 27	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	3.730.000							2.700
3965	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối giám	Cái	Không có thông tin	Φ 42 x 34	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt	2.910.000							2.900
3966	Vật tư ngành nước	Phụ kiện uPVC Đệ Nhất - Nối giám	Cái	Không có thông tin	Φ 49 x 21	Công ty TNHH hoá nhựa Đệ Nhất	Nt	Nt	Nt								3.500

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
4886	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR	Cái	TCVN 10097-3:2013 (ISO 15874-3:2013)	D50	Công Ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	Nt	Nt	Nt									126.364
4887	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài PPR	Cái	TCVN 10097-3:2013 (ISO 15874-3:2013)	D20 x 1/2"	Công Ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	Nt	Nt	Nt									54.091
4888	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài PPR	Cái	TCVN 10097-3:2013 (ISO 15874-3:2013)	D25 x 1/2"	Công Ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	Nt	Nt	Nt									61.182
4889	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài PPR	Cái	TCVN 10097-3:2013 (ISO 15874-3:2013)	D25 x 3/4"	Công Ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	Nt	Nt	Nt									72.273
4890	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài PPR	Cái	TCVN 10097-3:2013 (ISO 15874-3:2013)	D32 x 1"	Công Ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	Nt	Nt	Nt									115.091
4891	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài PPR	Cái	TCVN 10097-3:2013 (ISO 15874-3:2013)	D40 x 1"	Công Ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	Nt	Nt	Nt									270.000
4892	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I -7	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-7-140-2.5	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	1.695.000								
4893	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-7	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-7-140-3.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	1.835.000								
4894	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-7	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-7-140-3.5	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	1.920.000								
4895	Vật tư ngành điện	Cột BTLT –PC.I-7	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-7-140-4.3	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	1.965.000								
4896	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-7,5	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-7,5-160-2.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	1.124.000								
4897	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-7,5	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-7,5-160-3.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	2.219.000								
4898	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-7,5	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-7,5-160-5.4	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	2.278.000								
4899	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-8	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-8-140-2.5	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	2.188.000								
4900	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-8	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-8-140-3.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	2.125.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
4901	Vật tư ngành điện	Cột BTL – PC.I-8	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-8-140-3.5	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	2.499.800								
4902	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-8,5	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-8,5-160-2.5	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	2.311.000								
4903	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-8,5	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-8,5-160-3.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	2.454.000								
4904	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-8,5	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-8,5-160-4.3	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	2.842.000								
4905	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-10	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-10-190-3.5	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	3.185.000								
4906	Vật tư ngành điện	Cột BTLT –PC.I-10	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-10-190-4.3	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	3.424.000								
4907	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-10	d/cột	TCVN 5847:2016	PC.I-10-190-5.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	4.012.000								
4908	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-12	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-12-190-5.4	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	4.820.000								
4909	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-12	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-12-190-7.2	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	5.712.000								
4910	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-12	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-12-190-9.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	6.846.000								
4911	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-12	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-12-190-10.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	7.489.000								
4912	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-14	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-14-190-8.5	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	9.181.000								
4913	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-14	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-14-190-9.2	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	11.076.500								
4914	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-14	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-14-190-11.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	12.304.000								
4915	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-14	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-14-190-13.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	12.606.000								
4916	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PCI-16	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-16-190-9.2	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	13.183.000								
4917	Vật tư ngành điện	Cột BTLT - PCI-16	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-16-190-11.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	13.959.000								
4918	Vật tư ngành điện	Cột BTLT - PCI-16	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-16-190-13.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	14.570.000								
4919	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PC.I-18	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-18-190-9.2	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	14.388.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
4920	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PCI-18	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-18-190-11.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	14.990.000								
4921	Vật tư ngành điện	Cột BTLT - PCI-18	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-18-190-12.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	15.810.000								
4922	Vật tư ngành điện	Cột BTLT - PCI-18	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-18-190-13.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	17.110.000								
4923	Vật tư ngành điện	Cột BTLT - PCI-20	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-20-190-9.2	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	16.458.000								
4924	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PCI-20	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-20-190-11.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	17.346.000								
4925	Vật tư ngành điện	Cột BTLT – PCI-20	d/cột	TCVN 5847:2016	PCI-20-190-13.0	Công ty Cổ phần bê tông	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất	19.902.000								
4926	Gỗ xây dựng	Coppa Thông bán lẻ	m³	Không có Thông tin	Ván rộng từ 12cm trở lên	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			2.750.000						
4927	Gỗ xây dựng	Coppa Thông bán buôn	m³	Không có Thông tin	Ván rộng từ 12cm trở lên	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			2.350.000						
4928	Gỗ xây dựng	Coppa Thông bán lẻ	m³	Không có Thông tin	Ván rộng từ 20cm trở lên	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			3.150.000						
4929	Gỗ xây dựng	Coppa Thông bán buôn	m³	Không có Thông tin	Ván rộng từ 20cm trở lên	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			2.850.000						
4930	Gỗ xây dựng	Coppa Thông bán lẻ	m³	Không có Thông tin	Ván rộng từ 12cm trở lên	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			2.550.000						

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
4931	Gỗ xây dựng	Coppha Thông bán buôn	m³	Không có Thông tin	Ván rộng từ 12cm trở lên	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			2.150.000						
4932	Gỗ xây dựng	Coppha Thông bán lẻ	m³	Không có Thông tin	Ván rộng từ 20cm trở lên	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			3.050.000						
4933	Gỗ xây dựng	Coppha Thông bán buôn	m³	Không có Thông tin	Ván rộng từ 20cm trở lên	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			2.750.000						
4934	Gỗ xây dựng	Ván khe lún bán lẻ	m³	Không có Thông tin		Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			2.550.000						
4935	Gỗ xây dựng	Ván khe lún bán buôn	m³	Không có Thông tin		Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			2.350.000						
4936	Gỗ xây dựng	Dầm vuông 8cm bán lẻ	d/m	Không có Thông tin	Dùng đỡ ván coppha	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			28.000						
4937	Gỗ xây dựng	Dầm vuông 8cm bán buôn	d/m	Không có Thông tin	Dùng đỡ ván coppha	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			25.000						
4938	Gỗ xây dựng	Cây trồng	d/ cây	Không có Thông tin	dài 4m	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			35.000						

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
4939	Gỗ xây dựng	Bọ đóng trên đầu cây trồng	m³	Không có Thông tin		Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			1.400.000						
4940	Gỗ xây dựng	Gỗ dẻ nẹp 8x8	m³	Không có Thông tin		Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng (địa chỉ: Cửa hàng cốp pha Tám Chí, tổ dân phố số 3, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên).			3.000.000						
4941	Gỗ xây dựng	Cây chống gỗ quế đường kính 6cm	đ/cây	Không có Thông tin	dài 4m	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng			40.000						
4942	Gỗ xây dựng	Cây chống gỗ bạch đàn đường kính 6cm	đ/cây	Không có Thông tin	dài 4m	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng			38.000						
4943	Gỗ xây dựng	Cây chống gỗ khác đường kính 6cm	đ/cây	Không có Thông tin	dài 4m	Công ty TNHH XD TM và nông lâm sản Toàn Ngọc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng			33.000						
4944	Gỗ xây dựng	Gỗ cốp pha	m³	Không có Thông tin		Hợp tác xã Thành Vinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			3.000.000						
4945	Gỗ xây dựng	Gỗ dẻ nẹp 8x8	m³	Không có Thông tin		Hợp tác xã Thành Vinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			3.300.000						
4946	Gỗ xây dựng	Cây gỗ chống	đ/cây	Không có Thông tin	dài 4m	Hợp tác xã Thành Vinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			40.000						
4947	Gỗ xây dựng	Tre, vầu đường kính 10cm	đ/cây	Không có Thông tin	dài 4m	Hợp tác xã Thành Vinh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy sản xuất			30.000						
4948	Vật liệu khác	CarboncorAsphalt - CA 9,5	đ/tấn	TCCS 09 : 2014/TCĐB VN		Công ty TNHH MTV TM và XD Châu Giang	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại thành phố Lai Châu	3.730.000								

Số TT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật(*)	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Vận chuyển (*)	Ghi chú	Giá bán (chưa có VAT) (*)								
										Thành phố Lai Châu	Huyện Tam Đường	Huyện Tân Uyên	Huyện Than Uyên	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Sin Hồ	Huyện Phong Thổ	Tỉnh Lai Châu
4949	Vật liệu khác	CarboncorAsphalt - CA 12.5	d/tấn	TCCS 09 : 2014/TCĐB VN		Công ty TNHH MTV TM và XD Châu Giang	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại thành phố Lai Châu	3.730.000								
4950	Vật liệu khác	CarboncorAsphalt - CA 19 (bê tông nhựa rỗng Carbon)	d/tấn	TCCS 09 : 2014/TCĐB VN		Công ty TNHH MTV TM và XD Châu Giang	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại thành phố Lai Châu	2.910.000								